

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP
www.pvpower.vn



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP

Cùng thắp sáng tương lai

MỤC LỤC

THƯ NGỎ

- 06 ■ Thông điệp của lãnh đạo Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP

THÔNG TIN CHUNG

- 10 ■ Thông tin khái quát
14 ■ Quá trình hình thành và phát triển
18 ■ Mô hình quản trị
24 ■ Các công ty con

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

- 32 ■ Mục tiêu
33 ■ Định hướng triển khai
33 ■ Phát triển bền vững
34 ■ Các rủi ro

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

- 38 ■ Kết quả sản xuất kinh doanh 2018
46 ■ Các hoạt động đầu tư
48 ■ Tình hình tài chính 6 tháng cuối năm 2018
50 ■ Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu
52 ■ Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của PV Power
58 ■ Tổ chức và nhân sự

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 70 ■ Công tác tái cấu trúc, thoái vốn tại các đơn vị
71 ■ Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc
72 ■ Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
74 ■ Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2019

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 78 ■ Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị
80 ■ Quản trị công ty
84 ■ Ban kiểm soát
88 ■ Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 93 ■ Báo cáo của Ban Tổng giám đốc
96 ■ Báo cáo kiểm toán độc lập
98 ■ Bảng cân đối kế toán hợp nhất
100 ■ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
101 ■ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
103 ■ Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP



Kính gửi: Quý cổ đông và Nhà đầu tư,

Năm 2018 là năm đánh dấu một mốc son rực rỡ mới trên chặng đường phát triển của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP (PV Power), một năm đầy nỗ lực và quyết tâm của tập thể Ban Lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên, người lao động PV Power để đạt mục tiêu chung là vận hành ổn định, an toàn, hiệu quả các nhà máy điện, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đề ra trong bối cảnh có sự bất ổn của nền kinh tế toàn cầu.

Vượt qua nhiều khó khăn thử thách, PV Power đã thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh cho cả năm 2018. PV Power đã vận hành các nhà máy điện an toàn tuyệt đối, đem lại tổng sản lượng điện 21.007 triệu kWh; tổng doanh thu hợp nhất lên tới 33.260 tỷ đồng; lợi nhuận hợp

nất trước thuế đạt 2.492 tỷ đồng; nộp ngân sách Nhà nước đạt 1.295 tỷ đồng. Ngoài ra, PV Power vẫn luôn quan tâm và đã đóng góp gần 25 tỷ đồng cho các hoạt động an sinh xã hội.

Góp phần vào những kết quả kinh doanh ấn tượng trên không ai khác chính là hơn 1.200 cán bộ công nhân viên của PV Power với trình độ chuyên môn cao và quy trình làm việc chuyên nghiệp. PV Power đã vận hành an toàn, ổn định các Nhà máy điện, đáp ứng yêu cầu huy động của A0, đặc biệt là không để xảy ra bất kỳ sự cố mất an toàn, ảnh hưởng đến con người, máy móc và môi trường. Nguồn nhân lực có chất lượng chính là yếu tố đảm bảo cho sự phát triển bền vững của PV Power. Trong năm 2018, nhiều bằng khen của các cấp và việc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tiếp tục bình chọn, xếp hạng PV Power là “Doanh nghiệp vì người lao động” là sự ghi nhận xứng đáng, đồng thời tôn vinh người lao động của PV Power.

Bên cạnh việc duy trì tốt hoạt động sản xuất kinh doanh, để đáp ứng các yêu cầu về hội nhập quốc tế, PV Power đã ngày càng hoàn thiện và nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp theo các chuẩn mực quốc tế, ngày càng công khai, minh bạch trong điều hành và công bố thông tin. Trong năm 2018, PV Power đã hoàn thành công tác tái cơ cấu, sắp xếp đổi mới doanh nghiệp, cơ cấu lại bộ máy tổ chức trong toàn Tổng công ty và các chi nhánh/đơn vị thành viên để phù hợp hơn với tình hình thực tế, đáp ứng yêu cầu tinh gọn và hiệu quả.

Với vai trò quan trọng trong sản xuất kinh doanh điện năng, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an ninh năng lượng đất nước, PV Power đặt mục tiêu tiếp tục giữ vững đà tăng trưởng về sản lượng, lợi nhuận, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn, hiệu quả để mang lại lợi ích tối đa cho các cổ đông, các nhà đầu tư trong các năm tiếp theo.

Năm 2019 cũng là một dấu mốc quan trọng của PV Power khi Tổng công ty tiến hành triển khai dự án Nhà máy điện

Nhon Trạch 3 và Nhon Trạch 4, đồng thời nghiên cứu phát triển các dự án nhà máy điện khí khác. Phát huy những kết quả đạt được, PV Power cam kết sẽ không ngừng phấn đấu để trở thành nhà sản xuất kinh doanh điện năng hàng đầu Việt Nam, chuyên nghiệp trong quản trị, hiệu quả trong lãnh đạo nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và an toàn trong vận hành các nhà máy điện. PV Power sẽ tiếp tục thực hiện tái cấu trúc nhằm tinh gọn bộ máy, tiết kiệm chi phí, thúc đẩy sáng kiến, cải tiến và ứng dụng tiến bộ khoa học trong các hoạt động. Chúng tôi tin tưởng rằng sẽ hoàn thành tốt các chỉ tiêu, kế hoạch đề ra trong năm 2019 cũng như các mục tiêu của chiến lược phát triển PV Power giai đoạn 2019-2023, đó là:

Thứ nhất, phát triển PV Power trở thành một Tổng công ty Công nghiệp Điện - Dịch vụ mạnh, hiệu quả và có năng lực cạnh tranh cao trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh điện năng và cung cấp các sản phẩm dịch vụ liên quan, trong đó lấy sản xuất điện làm trọng tâm.

Thứ hai, đóng vai trò quan trọng trong ngành công nghiệp điện và tham gia tích cực vào thị trường khu vực cũng như quốc tế, đưa PV Power trở thành thương hiệu có uy tín trong nước và khu vực Đông Nam Á.

Một lần nữa, thay mặt cho toàn thể cán bộ công nhân viên của PV Power, Ban Lãnh đạo Tổng công ty Điện lực Dầu



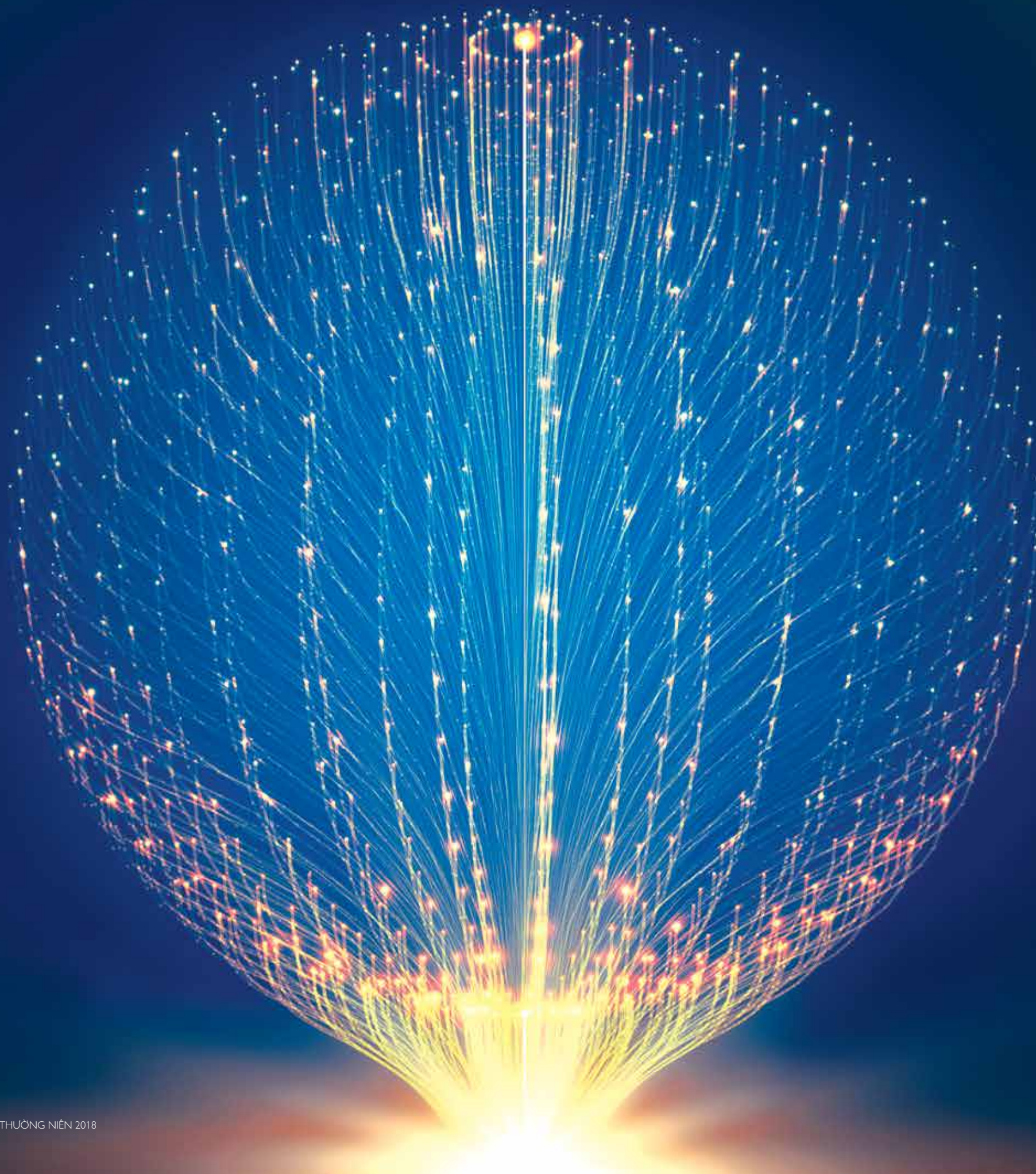
khí Việt Nam – CTCP xin được gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Chính phủ, các Bộ ngành trung ương, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, các đối tác và đặc biệt là Quý cổ đông/Nhà đầu tư đã luôn tin tưởng và hỗ trợ PV Power trong năm qua. Chúng tôi rất mong sẽ tiếp tục nhận được sự ủng hộ, đồng hành của Quý vị trong thời gian tới!

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hồ Công Kỳ

Tổng Giám đốc

Lê Như Linh

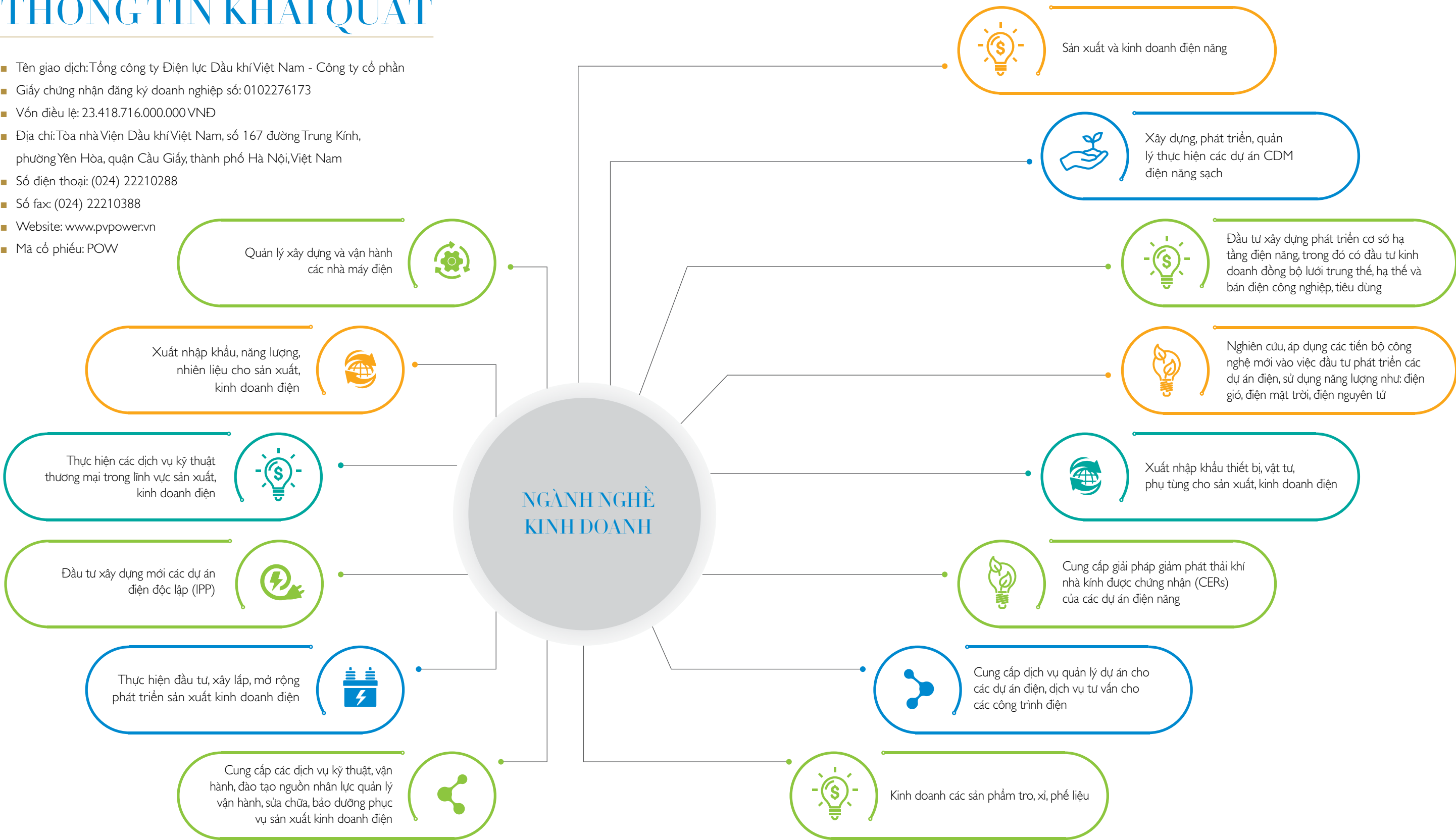


GIỚI THIỆU CHUNG

- 10 ■ Thông tin khái quát
- 14 ■ Quá trình hình thành và phát triển
- 18 ■ Mô hình quản trị

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên giao dịch: Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0102276173
- Vốn điều lệ: 23.418.716.000.000 VNĐ
- Địa chỉ: Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Số điện thoại: (024) 22210288
- Số fax: (024) 22210388
- Website: www.pvpower.vn
- Mã cổ phiếu: POW



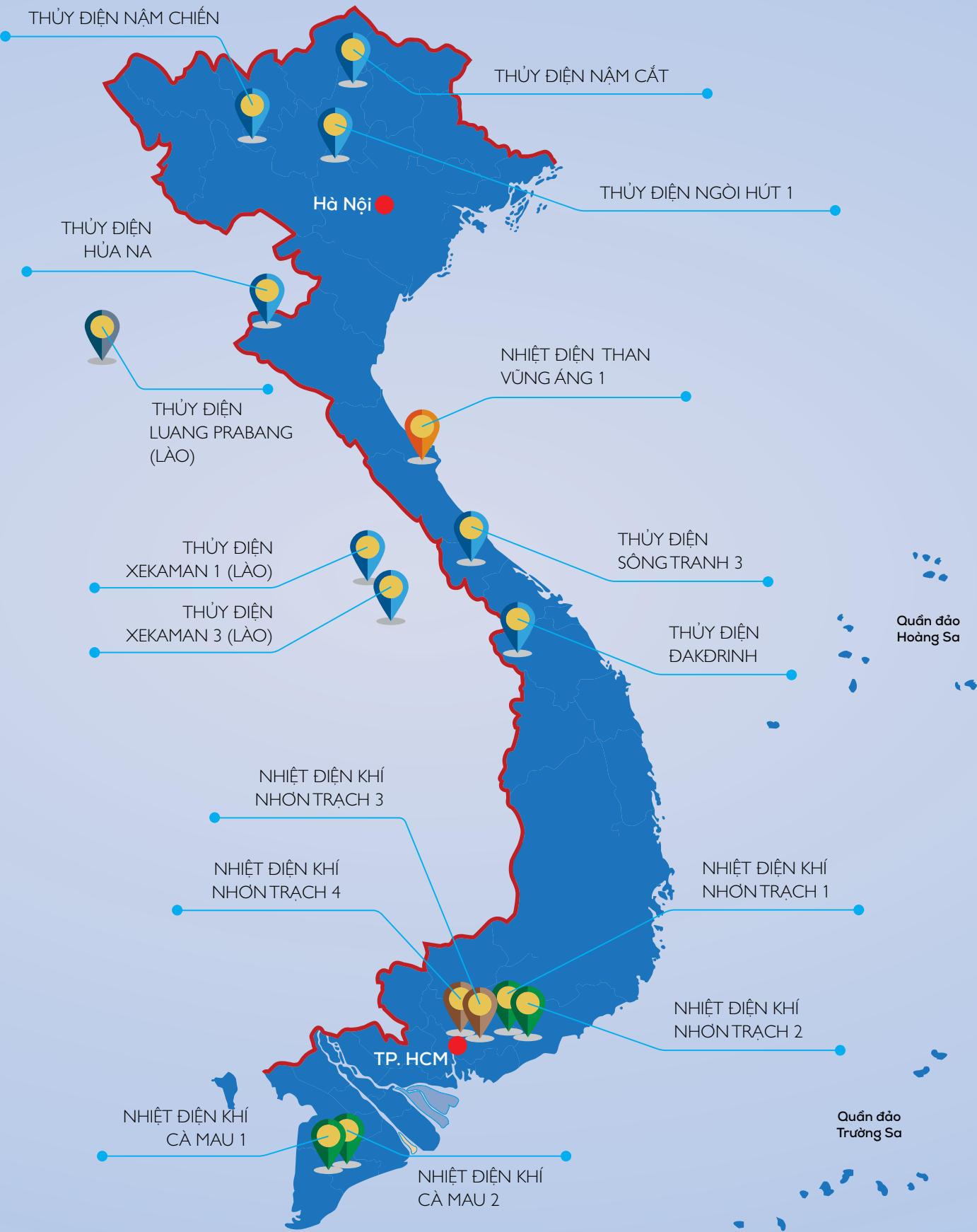
SƠ ĐỒ CÁC NHÀ MÁY ĐIỆN DO PV POWER SỞ HỮU VÀ ĐỒNG SỞ HỮU

Các nhà máy đang hoạt động

- NHIỆT ĐIỆN KHÍ CÀ MAU 1: 750 MW
- NHIỆT ĐIỆN KHÍ CÀ MAU 2: 750 MW
- NHIỆT ĐIỆN KHÍ NHƠN TRẠCH 1: 450 MW
- NHIỆT ĐIỆN KHÍ NHƠN TRẠCH 2: 750 MW
- NHIỆT ĐIỆN THAN VŨNG ÁNG 1: 1.200 MW
- THỦY ĐIỆN HỦA NA: 180 MW
- THỦY ĐIỆN ĐAKĐRINH: 125 MW
- THỦY ĐIỆN NẬM CẮT: 3,2 MW
- THỦY ĐIỆN NẬM CHIẾN: 200 MW
- THỦY ĐIỆN NGỒI HÚT 1: 8,4 MW
- THỦY ĐIỆN SÔNG TRẠNH 3: 62 MW
- THỦY ĐIỆN XEKAMAN 1: 290 MW
- THỦY ĐIỆN XEKAMAN 3: 250 MW

Dự án đang đầu tư

- NHIỆT ĐIỆN KHÍ NHƠN TRẠCH 3: 750 MW
- NHIỆT ĐIỆN KHÍ NHƠN TRẠCH 4: 750 MW
- THỦY ĐIỆN LUANG PRABANG: 1.400 MW

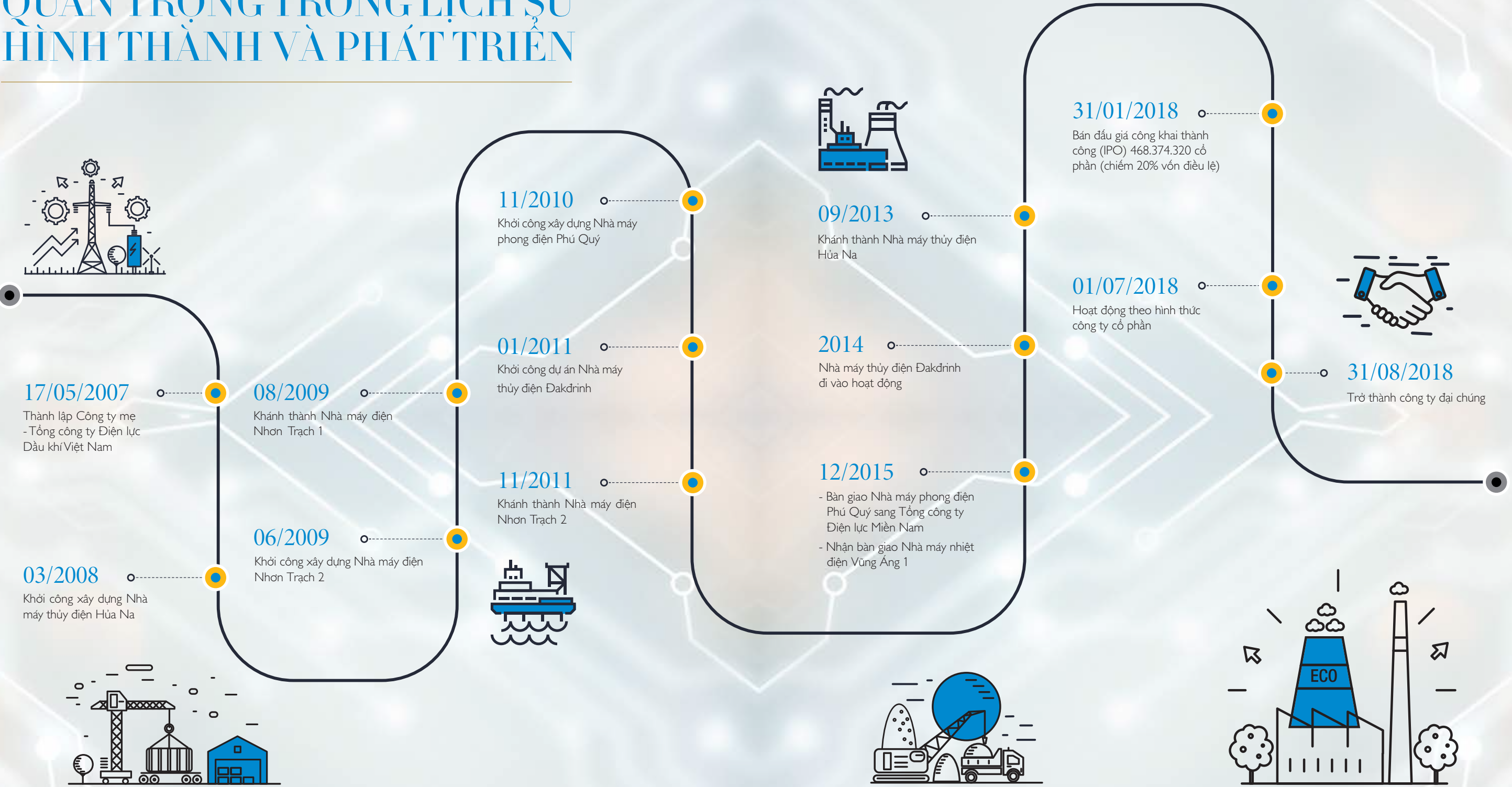


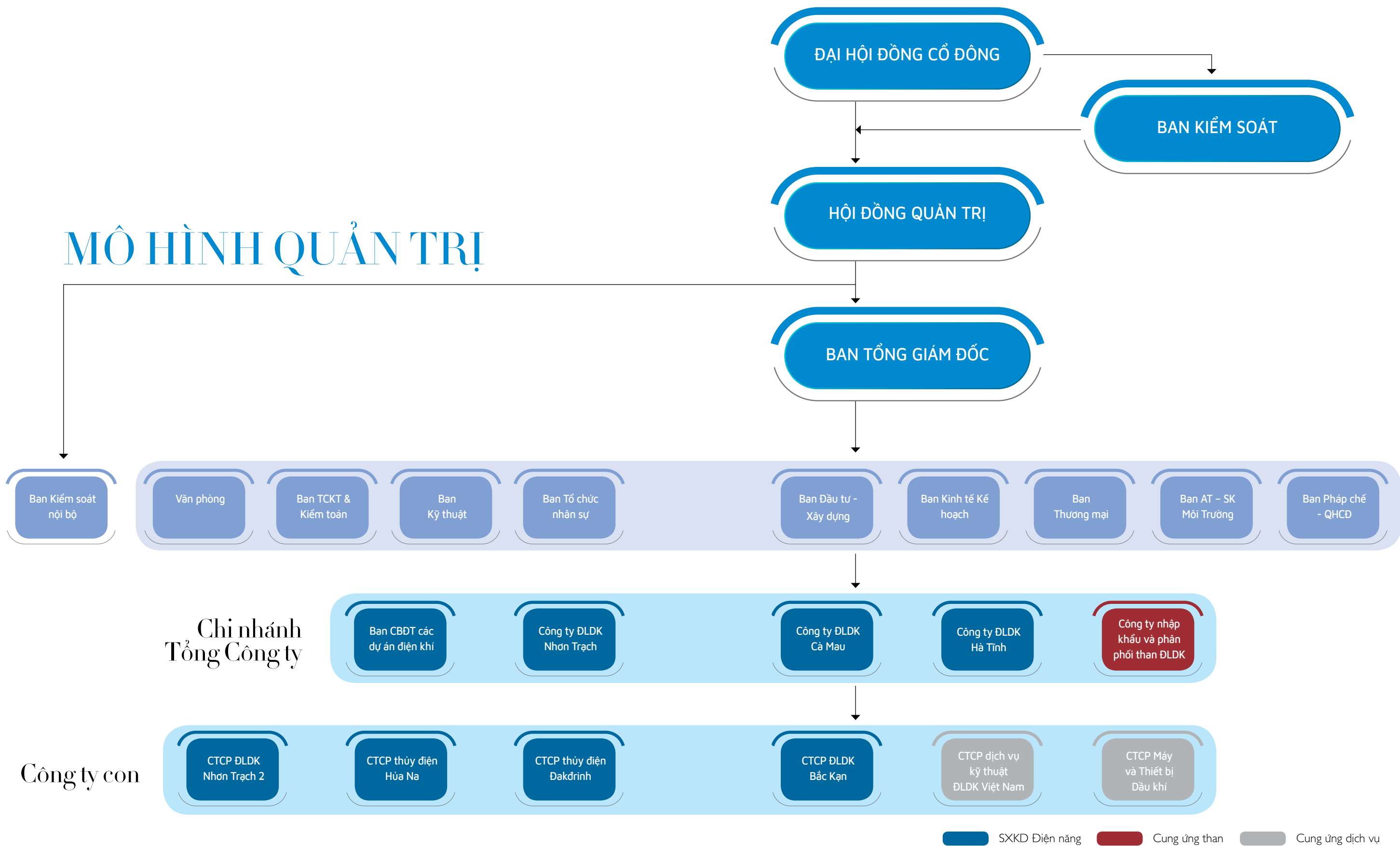
QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP tiền thân là Công ty TNHH MTV do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đầu tư 100% vốn điều lệ, được thành lập theo quyết định số 1468/QĐ-DKVN ngày 17/05/2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (nay là Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam), chính thức chuyển đổi mô hình hoạt động sang công ty cổ phần từ ngày 01/07/2018 (theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102276173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 01/07/2018).



CÁC DẤU MỐC QUAN TRỌNG TRONG LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN





CÁC ĐƠN VỊ HẠCH TOÁN PHỤ THUỘC

Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh - Nhà máy điện Vũng Áng 1



- **Tên đầy đủ:**
CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN - CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ HÀ TĨNH
- **Địa chỉ:** Xóm Hải Phong, Xã Kỳ Lợi, Thị xã Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh
- **Mã số chi nhánh:** 0102276173-007
- **Ngành nghề kinh doanh chính:**
Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
- **Tỷ lệ nắm giữ của PV Power:** 100%
- Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh là đơn vị quản lý của Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 với những thông tin cơ bản sau:
 - **Công suất:** 1.200 MW (2x600 MW)
 - **Tổng mức đầu tư:** 33.651 tỷ đồng
 - **Năm đi vào vận hành thương mại:** 2015
- **Sản lượng lũy kế từ khi vận hành:** 17,3 tỷ kWh
- **Ưu đãi thuế:**
Thuế thu nhập doanh nghiệp 10%/năm áp dụng trong 15 năm kể từ ngày vận hành thương mại, được miễn thuế 4 năm đầu tiên kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% thuế suất trong 9 năm tiếp theo. Giảm 50% thuế thu nhập cá nhân đối với người lao động có thu nhập cao thường xuyên và không thường xuyên (kể cả người Việt Nam và nước ngoài), miễn tiền thuê đất 15 năm, miễn tiền thuê đất và sử dụng đất để làm nhà cho người lao động, miễn thuế nhập khẩu trong 5 năm cho đối tượng phải nộp thuế kể từ khi bắt đầu sản xuất đối với nguyên liệu sản xuất, vật tư, linh kiện và bán thành phẩm phải nhập khẩu mà trong nước chưa sản xuất được.

Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch - Nhà máy điện Nhơn Trạch 1



- **Tên đầy đủ:**
CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN - CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH
- **Địa chỉ:**
Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai
- **Mã số chi nhánh:** 0102276173-003
- **Ngành nghề kinh doanh chính:**
Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
- **Tỷ lệ nắm giữ của PV Power:** 100%
- Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch là đơn vị quản lý của Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch 1 với những thông tin cơ bản sau:
 - **Công suất:** 450 MW
 - **Tổng mức đầu tư:** 6.344 tỷ đồng
- **Năm đi vào vận hành thương mại:** 2009
- **Sản lượng lũy kế từ khi vận hành:** 30,3 tỷ kWh
- **Ưu đãi thuế:**
Thuế thu nhập doanh nghiệp của dự án được hưởng thuế suất ưu đãi bằng 20% trong thời hạn 10 năm kể từ khi dự án hoạt động và theo quy định của nhà nước trong những năm tiếp theo nhưng không quá 28%, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 3 năm tiếp theo kể từ 2012.

Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau - Nhà máy Điện Cà Mau 1 & 2



- **Tên đầy đủ:**
CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN - CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ CÀ MAU
 - **Địa chỉ:** Ấp 1, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam
 - **Mã số chi nhánh:** 0102276173-002
 - **Ngành nghề kinh doanh chính:**
Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
 - **Tỷ lệ nắm giữ của PV Power:** 100%
 - Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau là đơn vị quản lý của Nhà máy Điện Cà Mau 1 & 2 với những thông tin cơ bản sau:
 - **Công suất:** 1.500 MW (2x750 MW)
 - **Tổng mức đầu tư NMD Cà Mau 1:** 6.571 tỷ đồng
- **Tổng mức đầu tư Cà Mau 2:** 6.153 tỷ đồng
 - **Năm đi vào vận hành thương mại:** 2008
 - **Sản lượng lũy kế từ khi vận hành:**
 - + NMD Cà Mau 1: 41,7 tỷ kWh
 - + NMD Cà Mau 2: 40,4 tỷ kWh
 - **Ưu đãi thuế:** Thuế thu nhập doanh nghiệp của dự án được miễn trong thời gian 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo. Năm 2018 là năm thứ 6 PV Power áp dụng giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp

Công ty Nhập khẩu và Phân phối Than Điện lực Dầu khí

- **Tên đầy đủ:**
CHI NHÁNH TCT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP - CÔNG TY NHẬP KHẨU VÀ PHÂN PHỐI THAN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ
- **Địa chỉ:** Tầng 2, tòa nhà HL Tower; lô A2B đường Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội
- **Mã số chi nhánh:** 0102276173-006
- **Ngành nghề kinh doanh chính:**
Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Bán buôn than các loại
- **Tỷ lệ nắm giữ của PV Power:** 100%



Ban chuẩn bị đầu tư các dự án điện khí

- **Tên đầy đủ:**
CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN - BAN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN ĐIỆN KHÍ
- **Địa chỉ:** Tầng 14, tòa nhà Viện Dầu Khí, số 167 đường Trung Kính, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
- **Mã số chi nhánh:** 0102276173-008
- **Ngành nghề kinh doanh chính:**
Hoạt động tư vấn quản lý; Chi tiết: Cung cấp dịch vụ quản lý dự án cho các dự án điện, dịch vụ tư vấn cho các công trình điện
- **Tỷ lệ nắm giữ của PV Power:** 100%



CÁC CÔNG TY CON

Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 -
Nhà máy điện Nhơn Trạch 2



- **Tên đầy đủ:**
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

■ **Địa chỉ:**
Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai

■ **Mã số chi nhánh:** 3600897316

■ **Ngành nghề kinh doanh chính:**
Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

■ **Vốn điều lệ:** 2.878.760.290.000 đồng

■ **Tỷ lệ nắm giữ của PV Power:** 59,37%

■ Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 là đơn vị quản lý của Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch 2 với những thông tin cơ bản sau:

- **Công suất:** 750 MW

- **Tổng mức đầu tư:** 11.355 tỷ đồng

- **Năm đi vào vận hành thương mại:** 2011

- **Sản lượng lũy kế từ khi vận hành:** 35,6 tỷ kWh

- **Ưu đãi thuế:**
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10%/năm áp dụng trong 15 năm kể từ ngày vận hành thương mại. Từ năm 2011 – 2014, PV Power NT 2 được miễn hoàn toàn thuế thu nhập doanh nghiệp và sẽ tiếp tục được giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Năm 2018 là năm thứ 4 NMD Nhơn Trạch 2 áp dụng giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đakđrinh -
Nhà máy Thủy điện Đakđrinh



- **Tên đầy đủ:**
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐAKĐRINH

■ **Địa chỉ:**
Thôn Ra Nhua, Xã Sơn Tân, Huyện Sơn Tây, Tỉnh Quảng Ngãi

■ **Mã số chi nhánh:** 4300350203

■ **Ngành nghề kinh doanh chính:**
Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

■ **Vốn điều lệ:** 1.020.689.805.608 đồng

■ **Tỷ lệ nắm giữ của PV Power:** 94,83%

■ Công ty Cổ phần Thủy điện Đakđrinh là đơn vị quản lý của Nhà máy Thủy điện Đakđrinh với những thông tin cơ bản sau:

- **Công suất:** 125MW

- **Tổng mức đầu tư:** 5.921 tỷ đồng

- **Năm đi vào vận hành thương mại:** 2014

- **Sản lượng lũy kế từ khi vận hành:** 2,5 tỷ kWh

- **Ưu đãi thuế:**
Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 04 năm đầu kể từ năm 2014 đến hết năm 2017; giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2018 đến hết năm 2026.
Miễn giảm tiền thuê đất và thuê mặt nước, khấu trừ tiền thuê đất vào chi phí đền bù giải phóng mặt bằng của dự án, được ưu đãi thuế nhập khẩu, được ưu đãi vay vốn tín dụng đầu tư.

Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na -
Nhà máy Thủy điện Hủa Na



- **Tên đầy đủ:**
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA
- **Địa chỉ:**
Tầng 9, tòa nhà dầu khí Nghệ An, số 7, đường Quang Trung, Phường Quang Trung, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An
- **Mã số chi nhánh:** 2900797430
- **Ngành nghề kinh doanh chính:** Sản xuất, truyền tải và phân phối điện, Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh điện năng
- **Vốn điều lệ:** 2.256.592.103.444 đồng
- **Tỷ lệ nắm giữ của PV Power:** 94,83%
- Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na là đơn vị quản lý của Nhà máy Thủy điện Hủa Na với những thông tin cơ bản sau:
 - **Địa điểm nhà máy:**
Xã Đồng Văn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An
 - **Công suất:** 180MW
 - **Tổng mức đầu tư:** 7.092 tỷ đồng
 - **Năm đi vào vận hành thương mại:** 2013
 - **Sản lượng lũy kế từ khi vận hành:** 3,9 tỷ kWh
 - **Ưu đãi thuế:** Dự án nằm trong quy hoạch điện quốc gia (Quy hoạch Điện VII), hưởng cơ chế 797/400. Theo luật thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 3/6/2008, sửa đổi bổ sung số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10%/năm áp dụng trong 15 năm kể từ ngày vận hành thương mại, trong đó miễn thuế 04 năm đầu tiên kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ 2013) và giảm 50% thuế suất trong 09 năm tiếp theo (từ 2017).

Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Bắc Kạn -
Nhà máy Thủy điện Nậm Cát



- **Tên đầy đủ:**
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ BẮC KẠN
- **Địa chỉ:**
Thôn Bản Chiềng, Xã Đôn Phong, Huyện Bạch Thông, Tỉnh Bắc Kạn
- **Mã số chi nhánh:** 4700191357
- **Ngành nghề kinh doanh chính:**
Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
- **Vốn điều lệ:** 86.423 triệu đồng
- **Tỷ lệ nắm giữ của PV Power:** 94,23%
- Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Bắc Kạn là đơn vị quản lý của Nhà máy Thủy điện Nậm Cát với những thông tin cơ bản sau:
 - **Tổng mức đầu tư:** 117 tỷ đồng
 - **Năm đi vào vận hành thương mại:** 2012
 - **Sản lượng lũy kế từ khi vận hành:** 0,1 tỷ kWh
 - **Ưu đãi thuế:**
Ưu đãi thuế suất 10%/năm trong thời hạn 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 4 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo. Miễn thuế nhập khẩu, miễn tiền sử dụng đất, miễn tiền thuê đất 15 năm, được hỗ trợ sau đầu tư, được vay vốn tín dụng của chính phủ, được bảo lãnh tín dụng đầu tư.
- **Công suất:** 3,2 MW

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam

- **Tên đầy đủ:**
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
- **Địa chỉ:** Tầng 7, Tòa nhà Hỗn Hợp HH3 Khu đô thị Mỹ Đình, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội
- **Mã số chi nhánh:** 0102560459
- **Ngành nghề kinh doanh chính:**
Lắp đặt hệ thống điện, Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, Sản xuất, truyền tải và phân phối điện, Kiểm tra và phân tích kỹ thuật
- **Vốn điều lệ:** 150.000.000.000 đồng
- **Tỷ lệ nắm giữ của PV Power:** 51%



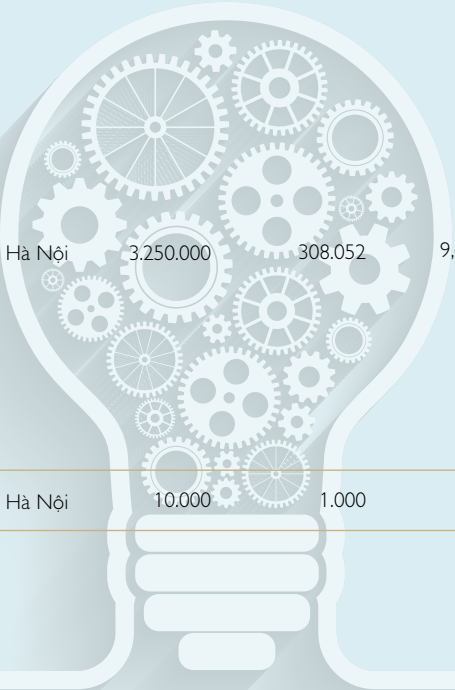
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí

- **Tên đầy đủ:**
CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ
- **Địa chỉ:** Số 8 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
- **Mã số chi nhánh:** 0101394512
- **Ngành nghề kinh doanh:**
Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Xây dựng nhà các loại; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ các loại Nhà nước cấm)
- **Vốn điều lệ:** 386.386.000.000 đồng
- **Tỷ lệ nắm giữ của PV Power:** 51,58%



CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

Tên doanh nghiệp	Ngành nghề kinh doanh chính	Địa chỉ	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Vốn góp của PV Power (triệu đồng)	Tỷ lệ góp vốn của PV Power
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến Nhà máy thủy điện Nậm Chiến Tổng mức đầu tư: 7.318,309 tỷ đồng; Công suất: 200 MW; Điện lượng: 813,71 triệu kWh/năm; Vận hành thương mại: Từ 02/2013	Sản xuất kinh doanh điện năng	Sơn La	951.250	292.250	30,72%
Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng Nhà máy thủy điện Ngòi Hút 1 Tổng mức đầu tư: 245,13 Tỷ đồng; Công suất: 8,4MW; Điện lượng: 35,81 triệu kWh/năm; Vận hành thương mại: 2011	Khai thác, sản xuất kinh doanh điện	Yên Bái	74.625,72	32.887,5	44,07%
Công ty Cổ phần phát triển đô thị Dầu khí	Đầu tư xây dựng khu đô thị mới, các khu nhà ở...	Cần Thơ	280.000	18.202	6,5%
Công ty Cổ phần EVN Quốc Tế	Sản xuất kinh doanh điện năng	Đà Nẵng	336.771	28.800	7,85%
Công ty Cổ phần Năng lượng Châu Á Thái Bình Dương	Sản xuất kinh doanh điện năng	Hà Nội	55	550	1%
Công ty Cổ phần Thủy điện Sơn Trà-Sông Đà	Sản xuất kinh doanh điện năng	Quảng Ngãi	256	1.228,8	0,48%
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Tranh 3 Tổng mức đầu tư: 2.097 Tỷ đồng; Công suất: 62 MW; Điện lượng: 230,71 triệu kWh/năm; Vận hành thương mại: Quý IV/2018	Sản xuất kinh doanh điện năng	Quảng Nam	345.930	29.341,8	4,73%
Công ty Cổ phần Điện Việt-Lào: - Cụm dự án thủy điện Xekaman 1 (290MW, phát điện Quý IV/2016) & Xekaman Xan Xay (32 MW, phát điện quý Quý 1,2 năm 2018); Tổng mức đầu tư lần 2: 487,17 triệu USD; Sản lượng trung bình: 1.206 triệu kWh/năm - Công ty dự án khách sạn và văn phòng cho thuê tại Vientiane Plaza: Tổng mức đầu tư: 8,359 triệu USD; Khánh thành tháng 3/2011; Chuẩn bị thực hiện đầu tư Dự án thủy điện Xekaman 4 (70 MW); Tổng mức đầu tư: 165,92 triệu USD; Sản lượng điện hàng năm: 287,4 triệu kWh/năm - Dự án chưa được xây dựng + Dự án thủy điện Xekaman 3 (250 MW): Tổng mức đầu tư lần 3: 449,38 triệu USD; Sản lượng điện trung bình: 989,97 triệu kWh/năm; Vận hành thương mại từ năm 2013	Sản xuất kinh doanh điện năng	Hà Nội	3.250.000	308.052	9,48%
Công ty Cổ phần Cơ điện Dầu khí (PVC E&C)	Cơ điện lạnh	Hà Nội	10.000	1.000	10%



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

- 32 ■ Mục tiêu
- 33 ■ Định hướng triển khai
- 33 ■ Phát triển bền vững
- 34 ■ Các rủi ro



MỤC TIÊU

- **Hiệu quả** trong sản xuất kinh doanh
- **Chuyên nghiệp** về quản trị
- **Mạnh** về tài chính
- **Cao** về sức cạnh tranh
- **Xanh** về môi trường

ĐỊNH HƯỚNG TRIỂN KHAI

- Tiếp tục khai thác, quản lý và vận hành hiệu quả, ổn định các nhà máy điện hiện hữu.
- Chủ động tham gia tích cực và có hiệu quả vào thị trường bán lẻ cạnh tranh điện Việt Nam.
- Ưu tiên nguồn lực đầu tư các dự án điện sạch, thân thiện môi trường như: LNG, gió, mặt trời và sinh khối... Trước mắt tập trung đầu tư dự án LNG Nhơn Trạch 3, 4 đầu tư tại Việt Nam, đồng thời triển khai dự án thủy điện Luang-prabang tại Lào.
- Cung cấp các dịch vụ có chất lượng cao về O&M, nhiên liệu, tư vấn... phục vụ nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và các đơn vị khác.
- Mạnh dạn áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ, sáng kiến cải tiến kỹ thuật để nâng cao hiệu quả sản xuất và giảm thiểu tác động tới môi trường.

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- **Chương trình ngắn hạn về môi trường:**
 - Tuân thủ chặt chẽ quy định của nhà nước về bảo vệ môi trường, quản trị tốt các rủi ro liên quan đến môi trường.
 - Giảm phát thải nhà kính thông qua việc sử dụng nguyên nhiên liệu đầu vào tiết kiệm và hiệu quả.
 - Kiểm soát chặt chẽ an toàn hóa chất, các chất thải, đặc biệt là những chất thải nguy hại tại các nhà máy điện.
 - Đẩy mạnh thực hiện chương trình kiểm toán về môi trường.
 - Duy trì thành công Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001.
- **Chương trình dài hạn về môi trường:**
 - Lựa chọn và sử dụng công nghệ cao, hiệu quả, thân thiện môi trường, công nghệ có độ tin cậy và an toàn cao, chú trọng xử lý chất thải phù hợp với điều kiện Việt Nam, tích cực tham gia cơ chế phát triển sạch (CDM).
 - Đẩy mạnh các phong trào thi đua, sáng tạo, cải tiến kỹ thuật, các giải pháp sáng kiến phải được triển khai áp dụng nhanh chóng, hiệu quả. Tích cực triển khai các giải pháp về bảo vệ môi trường, không ngừng cải thiện điều kiện lao động, môi trường lao động và đảm bảo sức khỏe cho người lao động.

CÁC RỦI RO

- **Rủi ro chiến lược:** Kinh tế thế giới có nhiều biến động khó lường cùng với môi trường cạnh tranh gay gắt, các mối nguy về xung đột chính trị, tôn giáo, tranh chấp chủ quyền thương mại, trữ lượng, giá dầu, tỷ giá...
- **Rủi ro tài chính:** Về công tác thu hồi công nợ, việc đàm phán các hợp đồng PPA đòi hỏi phải chặt chẽ để giảm thiểu rủi ro.
- **Rủi ro hoạt động:** Hoạt động điện lực luôn phải đối mặt với các rủi ro như: cháy nổ, xâm hại, vi phạm an ninh an toàn điện... dẫn đến việc nguy hại đến tính mạng, tổn thất tài sản, hư hỏng thiết bị, máy móc và theo đó là thảm họa về cháy nổ, ảnh hưởng đến môi trường, xã hội; nguồn nhiên liệu đầu vào ngày càng hạn chế, dự kiến trong tương lai phải nhập khẩu với giá thành cao sẽ ảnh hưởng tính cạnh tranh của PV Power.
- **Rủi ro tuân thủ:** PV Power phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình tại nhiều địa bàn khác nhau, nhiều lĩnh vực... Do đó, việc tuân thủ pháp luật Việt Nam và văn hóa cộng đồng địa phương là rất quan trọng.
- **Rủi ro về môi trường:**
 - Rủi ro về biến đổi khí hậu ảnh hưởng tới nhu cầu tiêu thụ điện và khả năng phát điện
 - Rủi ro về tính hiệu lực hệ thống quản lý môi trường
 - Rủi ro về nhận thức của CBCNV trong công tác bảo vệ môi trường
 - Rủi ro trong trường hợp xảy ra sự cố môi trường
 - Rủi ro về tính kịp thời thông tin nội bộ, bên ngoài liên quan đến môi trường
 - Rủi ro về đáp ứng các yêu cầu pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường
 - Rủi ro về việc nhận dạng đầy đủ các khía cạnh môi trường
 - Rủi ro về đảm bảo xử lý chất thải nguy hại đúng quy định
 - Rủi ro về việc lãng phí trong tiêu thụ năng lượng
 - Rủi ro khi hoạt động của Tổng công ty ảnh hưởng đời sống cộng đồng dân cư chung quanh
 - Sự tuân thủ các nhà thầu phụ về môi trường trong quá trình thi công, sửa chữa



HỆ THỐNG QUẢN LÝ RỦI RO CỦA PV POWER

- **Quản lý rủi ro hàng ngày:** Các nhà quản lý và CBCNV nhận diện mối nguy và quản lý rủi ro từ các hoạt động hàng ngày nhằm đảm bảo khắc phục phòng ngừa kịp thời, góp phần thúc đẩy các hoạt động an toàn và có độ tin cậy cao. Đặc biệt việc nhận diện các công việc nguy hiểm nhằm kiểm soát chặt chẽ các rủi ro tạo điều kiện hạn chế nguy cơ xảy ra.
- **Quản lý rủi ro kinh doanh và chiến lược:** Rủi ro được xem xét trong các quá trình chính như chiến lược, kế hoạch, quản lý hiệu quả, nguồn lực, đầu tư xây dựng, thẩm định dự án, sản xuất... Việc xem xét này dựa trên việc sử dụng một quá trình chuẩn từ thu thập dữ liệu rủi ro, đánh giá các hoạt động quản lý rủi ro, quá trình cải tiến và lập kế hoạch thực hiện các hoạt động mới.
- **Giám sát và quản trị:** Hội đồng quản trị, Ban Lãnh đạo, các Ban chức năng liên quan cùng giám sát để nhận diện các rủi ro chính. PV Power cũng xác định các hành động quản lý và kiểm soát nhằm giảm thiểu rủi ro đến mức chấp nhận được. Trong đó trực tiếp giám sát quản trị về rủi ro an toàn có Hội đồng An toàn Vệ sinh Lao động Tổng công ty, Ban An toàn Sức khỏe Môi trường Tổng công ty, các phòng An toàn Sức khỏe Môi trường tại các NMD, bộ phận tại từng phân xưởng.

CÁC BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ RỦI RO

- Đào tạo, nâng cao nhận thức cho người lao động về kiểm soát rủi ro.
- Nhận diện mối nguy, rủi ro liên quan đến chiến lược, bối cảnh, hoạt động PV Power cũng như yêu cầu của các bên liên quan.
- Xây dựng ma trận xếp loại rủi ro và tiến hành đánh giá các mức rủi ro: cao, trung bình và thấp. Đối với các rủi ro trung bình và cao, tiến hành các giải pháp nhằm giảm thiểu rủi ro và định kỳ rà soát tính hiệu lực của các biện pháp này.
- Đối với tài sản của PV Power là các NMD: PV Power mua bảo hiểm mọi rủi ro tài sản (bao gồm cả bảo hiểm cháy nổ bắt buộc theo quy định của pháp luật) với chính sách bồi thường mới thay cũ, đảm bảo quyền lợi tối đa cho PV Power khi xảy ra tổn thất cho tài sản của PV Power (nếu có).



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

- 38 ■ Kết quả sản xuất kinh doanh 2018
- 46 ■ Các hoạt động đầu tư
- 48 ■ Tình hình tài chính 6 tháng cuối năm 2018
- 50 ■ Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu
- 52 ■ Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của PV Power

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH 2018

Sản lượng điện hợp nhất
toàn Tổng công ty đạt

21.007 Tr.kWh

đạt **97%** kế hoạch

chiếm khoảng

11% tổng sản lượng điện thương phẩm
toàn quốc năm 2018.



Tổng doanh thu và thu nhập
hợp nhất Tổng công ty

33.260 tỷ đồng

vượt kế hoạch **6%**



Hoàn thành công tác
Cổ phần hóa Tổng công ty

IPO

31/1/2018

Hoạt động theo mô hình
Công ty Cổ phần từ

01/7/2018



Chuyển sàn giao dịch

HOSE

14/01/2019



Trở thành Công ty đại chúng

31/8/2018

Dự án

Nhơn Trạch 3&4

được Thủ tướng Chính phủ
thông qua chủ trương đầu tư
Dự án tại Quyết định số
234/QĐ-TTg ngày 27/2/2019



Lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ đạt

2.663 tỷ đồng

đạt **129%** kế hoạch

Doanh thu và thu nhập hợp
nhất Công ty mẹ đạt

24.217 tỷ đồng

vượt **8%** kế hoạch

Tổng nộp ngân sách nhà nước
hợp nhất toàn Công ty

1.295 tỷ đồng

đạt **105%** kế hoạch

Công ty mẹ nộp ngân sách

703 tỷ đồng

đạt **100%** kế hoạch



Tiết giảm chi phí

296 tỷ đồng

đạt **136%** kế hoạch

Thoái vốn tại 2 đơn vị CTCP Đầu tư
Phát triển điện Tây Bắc và CTCP
Thủy điện Sông Vàng với giá trị đạt gần

100 tỷ đồng



KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2018

Chi tiêu	Đơn vị tính	KH từ 1/7 - 31/12/2018	TH từ 1/7 - 31/12/2018	Tỷ lệ TH/KH 6 tháng cuối năm 2018
Sản lượng điện	TrkWh	9.794	9.209	94%
Hợp nhất toàn TCT				
Tổng doanh thu và thu nhập	Tỷ đồng	14.037	15.137	104%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	953	655	69%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	858	575	67%
Nộp NSNN	Tỷ đồng	609	660	108%
Công ty mẹ				
Tổng doanh thu và thu nhập	Tỷ đồng	9.846	10.336	102%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	878	388	44%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	880	326	41%
Nộp NSNN	Tỷ đồng	332	366	110%

CHỈ TIÊU SẢN LƯỢNG ĐIỆN

Sản lượng điện sản xuất hợp nhất của PV Power 6 tháng cuối năm 2018 đạt 9.209 Tr.kWh đạt 94% KH được ĐHDCD thông qua. Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch 6 tháng cuối năm 2018:

- Nguồn khí Đông và Tây Nam Bộ cấp cho các nhà máy điện Nhơn Trạch 1&2, Cà Mau đang ngày càng suy giảm; hạ tầng khai thác, vận chuyển khí vẫn còn xảy ra sự cố, ảnh hưởng lớn đến việc đảm bảo đủ khí và độ khả dụng của các nhà máy nhiệt điện khí. Đặc biệt từ đầu tháng 11 đến đầu tháng 12, lượng khí cấp cho NMD Nhơn Trạch 1 và Nhơn Trạch 2 bị sụt giảm (các NMD chỉ phát được bình quân 50% - 75% công suất).
- Đối với NMD Vũng Áng 1: Trong tháng 7 & 8/2018, Qc được giao thấp hơn sản lượng min của 1 tổ máy; Từ tháng 11 đến cuối năm 2018, do sự cố bất thường của tổ máy 1 nên phải dừng tổ máy để kiểm tra, sửa chữa.
- Mua nhiều trên diện rộng, đặc biệt vào quý 3/2018, nên các nhà máy thủy điện được ưu tiên huy động, giá thị trường thấp; các nhà máy nhiệt điện phải tính toán sản lượng đảm bảo tối ưu hiệu quả.
- Đối với nhà máy thủy điện Đakrinh giai đoạn cuối năm 2018, lưu lượng nước về hồ thấp ảnh hưởng đến công tác vận hành và thị trường điện.

TỔNG HỢP SẢN LƯỢNG ĐIỆN
CỦA CÁC NHÀ MÁY ĐIỆN 6 THÁNG CUỐI NĂM 2018

Dvt: triệu kWh

Chỉ tiêu	KH 6 tháng cuối 2018	TH 6 tháng cuối 2018	Tỷ lệ so sánh
	1	2	3=2/1
TỔNG SẢN LƯỢNG ĐIỆN	9.794	9.209	94%
Nhà máy điện Cà Mau 1&2	3.412	3.397	100%
Nhà máy điện Nhơn Trạch 1	1.334	1.263	95%
Nhà máy điện Nhơn Trạch 2	2.222	2.143	96%
Nhà máy điện Nậm Cắt	10,7	10,7	100%
Nhà máy điện Hòa Na	406	533	132%
Nhà máy điện Đakrinh	275	123	45%
Nhà máy điện Vũng Áng 1	2.135	1.739	81%

CHỈ TIÊU DOANH THU

- Doanh thu Công ty mẹ của PV Power 6 tháng cuối năm 2018 đạt 10.336 tỷ đồng, bằng 102% KH được ĐHDCD thông qua.
- Doanh thu hợp nhất của PV Power 6 tháng cuối năm 2018 đạt 15.137 tỷ đồng, bằng 108% KH được ĐHDCD thông qua.
- Mặc dù sản lượng điện 6 tháng đầu năm 2018 thấp hơn KH giao, tuy nhiên doanh thu Công ty mẹ/ hợp nhất toàn Tổng Công ty cao hơn KH được ĐHDCD giao là do:
 - Giá khí thực tế (tính theo giá dầu) cao hơn giá khí lập KH (giá khí Cà Mau: 6,03 USD/Tr.BTU so với KH là 4,5 USD/Tr.BTU; giá khí NT1, NT2 là 7,1 USD/Tr.BTU so với KH là 6,1 USD/Tr.BTU).
 - Giá điện bình quân trên thị trường năm 2018 cao (1.045 đ/kWh, so với giá bình quân 2017 là 639 đ/kWh).
 - Các đơn vị thương mại, dịch vụ (PV Machino và PV Power Services) vượt 60% kế hoạch doanh thu 6 tháng cuối năm nhờ tăng cường thực hiện các hợp đồng trong và ngoài ngành.

TỔNG HỢP CHỈ TIÊU DOANH THU
HỢP NHẤT PV POWER 6 THÁNG CUỐI NĂM 2018

Dvt: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	KH 6 tháng cuối 2018	TH 6 tháng cuối 2018	Tỷ lệ so sánh
	1	2	3=2/1
DOANH THU CÔNG TY MẸ	9.846	10.336	115%
Doanh thu trực tiếp của Công ty mẹ	9.675	10.182	105%
Doanh thu từ sản xuất điện	9.625	9.989	104%
Doanh thu, thu nhập khác	50	193	38,6%
Cổ tức từ các đơn vị thành viên	171	154	90%
DOANH THU TOÀN TCT (Doanh thu toàn TCT tính toán sau khi đã điều chỉnh doanh thu hợp nhất)	14.037	15.137	104%
Doanh thu trực tiếp của Công ty mẹ	9.675	10.182	105%
Các đơn vị thành viên	4.362	5.192	119%
Công ty liên kết (chỉ tính lợi nhuận trích nộp về TCT)	-	-	-

CHỈ TIÊU LỢI NHUẬN

- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất toàn Tổng công ty 6 tháng cuối năm 2018 đạt 655 tỷ đồng, bằng 69% kế hoạch. Trong đó:
 - Lợi nhuận trực tiếp Công ty mẹ đạt 234 tỷ đồng (không bao gồm cổ tức được chia)
 - Lợi nhuận của Công ty thành viên: 380 tỷ đồng
 - Phần lãi trong các Công ty liên doanh, liên kết: 41 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất toàn Tổng công ty 6 tháng cuối năm 2018 đạt 575 tỷ đồng, đạt 67% kế hoạch
- Lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ 6 tháng cuối năm 2018 đạt 388 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ thấp hơn so với kế hoạch được ĐHCĐ giao, chủ yếu là do:
 - Sản lượng điện 6 tháng cuối năm 2018 chỉ đạt 94% kế hoạch
 - Lỗ chênh lệch tỷ giá là 181 tỷ đồng (kế hoạch là 88 tỷ đồng), trong đó phải nhận lỗ CLTG của 6 tháng đầu năm của Công ty TNHH MTV chuyển sang là 124 tỷ đồng. (Theo quy định về xử lý tài chính tại thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần của Nghị định 126/2017/NĐ-CP ban hành ngày 16/11/2017)
 - Qc được giao trong tháng 7 & 8 thấp hơn sản lượng min của 1 tổ máy, cộng với sự cố tổ máy 1 của NMD Vũng Áng 1 từ tháng 11 đến cuối năm 2018 đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến kết quả SKXD của nhà máy Vũng Áng 1 nói riêng và của toàn Tổng công ty nói chung. 6 tháng cuối năm, nhà máy Vũng Áng 1 lỗ (-427) tỷ đồng (không bao gồm CLTG) so với kế hoạch lãi 71 tỷ, tổng cộng giảm 498 tỷ đồng so với kế hoạch được giao

TỔNG HỢP CHỈ TIÊU LỢI NHUẬN HỢP NHẤT PV POWER 6 THÁNG CUỐI NĂM 2018

Dvt: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	KH 6 tháng cuối 2018	TH 6 tháng cuối 2018	Tỷ lệ so sánh
LỢI NHUẬN CÔNG TY MẸ			
Lợi nhuận trước thuế	878	388	44%
Lợi nhuận từ hoạt động SXKD trực tiếp	707	234	33%
Lợi nhuận từ sản xuất điện	839	348	41%
Lợi nhuận từ hoạt động khác	-132	-114	86%
Cổ tức được chia	171	154	90%
Lợi nhuận sau thuế	800	326	41%
LỢI NHUẬN TOÀN TỔNG CÔNG TY			
Lợi nhuận trước thuế	944	655	69%
Lợi nhuận trực tiếp của Công ty mẹ	707	234	33%
Lợi nhuận các đơn vị thành viên	246	380	154%
Công ty liên kết (chỉ tính lợi nhuận trích nộp về TCT)	0	0	-
Phần lãi (lỗ) của Công ty liên kết	0	41	-
Lợi nhuận sau thuế	858	575	67%



PV Power Vũng Áng

CHỈ TIÊU NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Nộp NSNN hợp nhất toàn Tổng công ty 6 tháng cuối năm 2018

660 tỷ đồng

đạt **108%** kế hoạch

Nộp NSNN Công ty mẹ 6 tháng cuối năm 2018

366 tỷ đồng

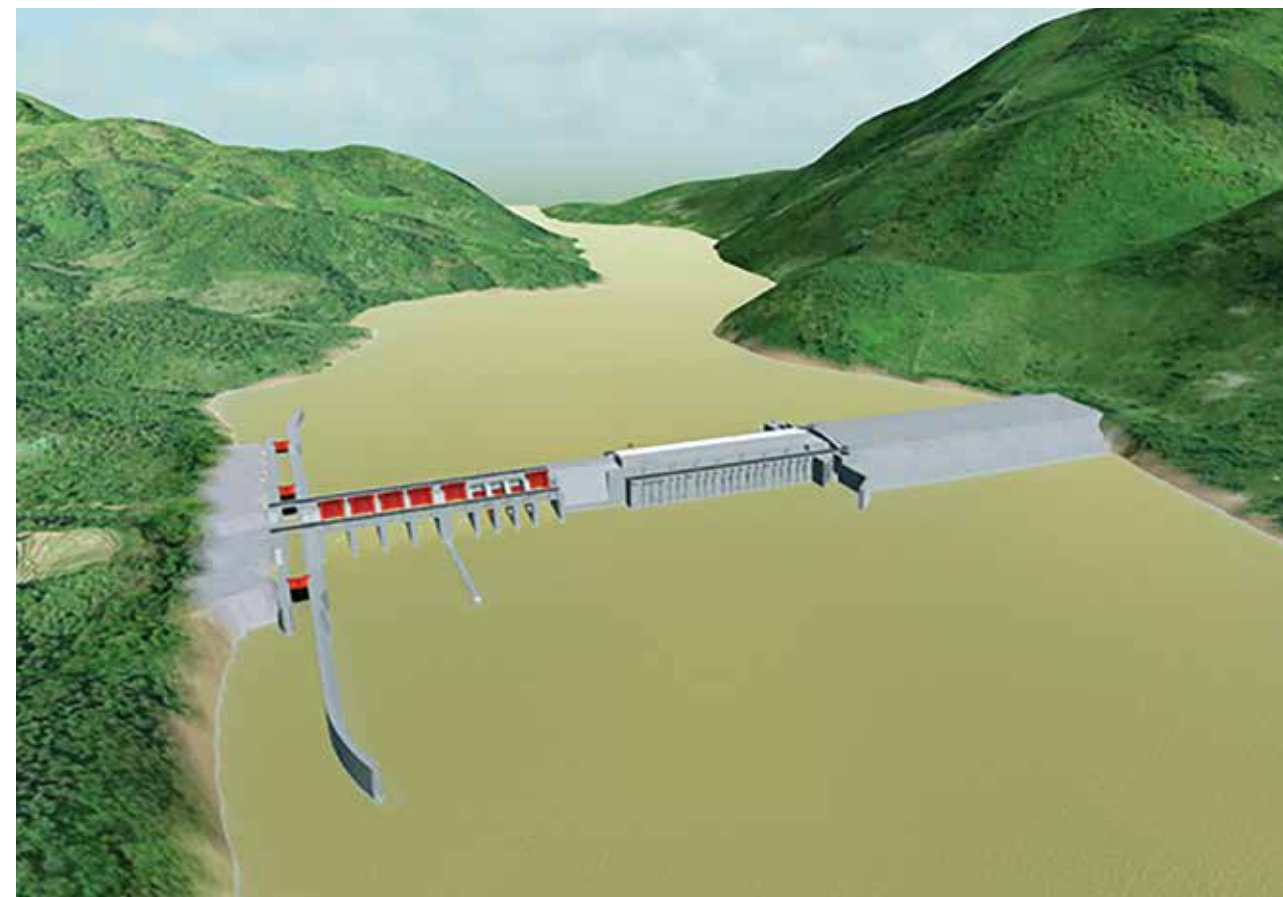
đạt **110%** kế hoạch

CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

DỰ ÁN NHÀ MÁY ĐIỆN NHƠN TRẠCH 3 VÀ NHƠN TRẠCH 4

Ngày 27/2/2019 Thủ tướng chính phủ đã có Quyết định số 234/QĐ-TTg về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4.

- Địa điểm xây dựng: Khu công nghiệp Ông Kèo, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
- Chủ đầu tư: Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần (PV Power)
- Công suất mỗi nhà máy: Khoảng từ 650-880 MW. Sử dụng công nghệ tua-bin khí chu trình hỗn hợp (TBKHH). Cấu hình đa trục (2-2-1) hoặc đơn trục (1-1-1)
- Nhiên liệu chính cho phát điện: Khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), được nhập khẩu và tái hóa khí tại kho cảng LNG Thị Vải, lượng tiêu thụ khoảng 0,49 đến 0,67 triệu tấn LNG/năm/nhà máy
- Cấp điện áp đấu nối: Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 phát lên lưới 220 kV và nhà máy điện Nhơn Trạch 4 phát lên lưới 500 kV
- Tiến độ dự kiến: Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 vận hành năm 2022, nhà máy điện Nhơn Trạch 4 vận hành năm 2023
- Tổng mức đầu tư sơ bộ:
 - + Nhà máy điện Nhơn Trạch 3: 16.228 tỷ đồng (khoảng 703 triệu US\$)
 - + Nhà máy điện Nhơn Trạch 4: 16.265 tỷ đồng (khoảng 704 triệu US\$). (Tỷ giá trung tâm ngày 12/7/2018, 1US\$ = 23.075 đồng)
- Nguồn vốn: Dự kiến 30% vốn chủ sở hữu và 70% vốn vay (tỷ lệ chính xác sẽ được xác định trong giai đoạn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi)



Phối cảnh dự án thủy điện Luang Prabang

DỰ ÁN THỦY ĐIỆN LUANG PRABANG

- Chủ đầu tư: Sẽ thành lập pháp nhân là một Công ty dự án tại Lào khi dự án chính thức được cấp phép đầu tư, trong đó PV Power góp 38% vốn điều lệ
- Địa điểm xây dựng: Huyện Pak Ou, tỉnh Luang Prabang, CHDCND Lào
- Công suất: Khoảng 1.400 MW với 7 tổ máy có công suất 200 MW/tổ
- Tổng mức đầu tư dự kiến: 4,96 tỷ đô la Mỹ
- Nguồn vốn dự kiến: Vốn chủ sở hữu 30%/Vốn vay 70%
- Thời gian thực hiện/hoàn thành dự kiến: Dự kiến xây dựng từ 2020 – 2027; Dự kiến vận hành thương mại từ năm 2027

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2018

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Đầu kỳ (01/7/2018)	Cuối kỳ (31/12/2018)	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	64.274.561	58.111.429	-10%
Doanh thu thuần	17.826.989	14.835.199	-17%
Lợi nhuận khác	15.231	17.739	-14,1%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.826.452	642.904	-65%
Lợi nhuận trước thuế	1.836.696	655.106	-64%
Lợi nhuận sau thuế	1.711.647	575.194	-66%

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

- Tổng tài sản của Tổng công ty tại 31/12/2018 đạt 58.111.429 triệu đồng giảm 6.163.132 triệu đồng giảm tương ứng 10% so với tổng tài sản tại 01/7/2018 (thời điểm Tổng công ty chính thức chuyển mô hình hoạt động sang Công ty cổ phần).
- Tài sản ngắn hạn của Tổng công ty tại 31/12/2019 đạt 15.251.081 triệu đồng giảm 4.314.129 triệu đồng so với đầu kỳ (chiếm 3,81% tổng tài sản). Nguyên nhân giảm là do Tổng công ty cân đối tốt dòng tiền thu về từ bán điện, doanh thu hoạt động tài chính để chi trả các khoản nợ vay đến hạn và trả nợ cho nhà cung cấp.
- Tài sản dài hạn của Tổng công ty tại 31/12/2019 đạt 42.860.348 triệu đồng giảm 1.849.003 triệu đồng so với đầu kỳ (chiếm 96,19%), nguyên nhân giảm chủ yếu là do khấu hao tài sản cố định (1.778.297 triệu đồng).

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

- Tính đến hết ngày 31/12/2018, nợ phải trả đạt 31.296.044 triệu đồng, chiếm 54% tổng nguồn vốn và chủ yếu là nợ dài hạn (vay dài hạn của Tổng công ty chủ yếu là số dư các hợp đồng vay dài hạn để đầu tư xây dựng các nhà máy điện mà Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ủy quyền cho Tổng công ty tiếp tục thực hiện). Số dư vay của nợ dài hạn tại 31/12/2018 đạt 13.303.846 triệu đồng giảm 2.758.914 triệu đồng so với đầu kỳ do Tổng công ty trả nợ vay trong kỳ (do kết chuyển từ khoản vay dài hạn sang khoản nợ và nợ thuê tài chính ngắn hạn).
- Tổng công ty chịu rủi ro về tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tổng công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam nên cũng ảnh hưởng đến hoạt động kết quả kinh doanh của Tổng công ty.

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Các chỉ tiêu		Đơn vị tính	Đầu kỳ (01/7/2018)	Cuối kỳ (31/12/2018)
Về khả năng thanh toán	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0.90	0.87
	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0.73	0.63
Về cơ cấu vốn	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0.59	0.54
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1.45	1.17
Về năng lực hoạt động	Vòng quay hàng tồn kho	Lần	4.03	3.29
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0.28	0.26
Về khả năng sinh lời	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	9.60	3.88%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	6.51	2.15%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	2.66	0.99%
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	10.25	4.33%
	Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đồng/cổ phần	730.89	245.61

ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Cổ tức nộp về Tổng công ty từ các CTCP mà PV Power góp vốn trong 6 tháng cuối năm 2018 đạt 154 tỷ đồng/KH 171 tỷ đồng.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẪM GIỮ TỪ TRÊN 5% VỐN ĐIỀU LỆ CỦA TỔNG CÔNG TY TẠI NGÀY 27/12/2018

Tên cổ đông	GCNĐKKD/MSGD của nhà đầu tư	Địa chỉ/Trụ sở	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	0100681592	18 Láng Hạ, Thành Công, Ba Đình, Hà Nội	1.872.141.477	79,94%
Tổng cộng			1.872.141.477	79,94%

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

KỂ TỪ KHI HOẠT ĐỘNG DƯỚI HÌNH THỨC LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN (NGÀY 01/07/2018) CHO ĐẾN NAY TỔNG CÔNG TY KHÔNG TĂNG VỐN, VỐN ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI LÀ 23.418.716.000.000 ĐỒNG.

GAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Không có

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không có

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG CỦA TỔNG CÔNG TY TẠI NGÀY 27/12/2018

Loại cổ đông	Số lượng	Số cổ phần nắm giữ	% Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ
Cổ đông trong nước	6.509	1.998.124.485	85,32%
- Tổ chức	50	1.923.095.219	82,12%
- Cá nhân	6.459	75.029.266	3,2%
Cổ đông nước ngoài	174	343.747.115	14,68%
- Tổ chức	82	340.391.243	14,53%
- Cá nhân	92	3.355.872	0,15%
Cổ phiếu quỹ	0	0	0,00%
Tổng cộng	6.683	2.341.871.600	100%

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA PV POWER



QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Tổng lượng khí thiên nhiên tiêu thụ của các NMD do PV Power trực tiếp vận hành (NMD Cà Mau 1&2, NMD Nhơn Trạch 1) là

2.227,18 triệu Sm³ khí

Trong đó:

- NMD Cà Mau 1&2 tiêu thụ 1.415,528 triệu Sm³ từ nguồn khí Lô PM3 CAA và Lô 46 Cái Nước theo Hợp đồng mua bán khí số 8679/HĐ-DKVN ký ngày 06/11/2012 với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- NMD Nhơn Trạch 1 tiêu thụ 568,668 triệu Sm³ từ các nguồn khí Lô 06.1 và 11.2 (khí Nam Côn Sơn), Lô 05-2 và 05-3 (khí Hải Thạch – Mộc Tinh), Mỏ Thiên Ứng và Mỏ Đại Hùng theo Hợp đồng mua bán khí số 45/ĐLDKVN-PVG ký ngày 04/6/2008 với Tổng công ty Khí Việt Nam – CTCP.

Khối lượng than được TKV cung cấp cho NMD Vũng Áng 1 đạt 2.331.934,8/2.200.000 tấn theo Hợp đồng (đạt 106% so với hợp đồng mua bán than số 03 HĐ/TKV-PVPower ngày 04/1/2018)

- Tổng khối lượng than tiêu thụ là 2.199.580,57 tấn

Tổng khối lượng dầu sử dụng:

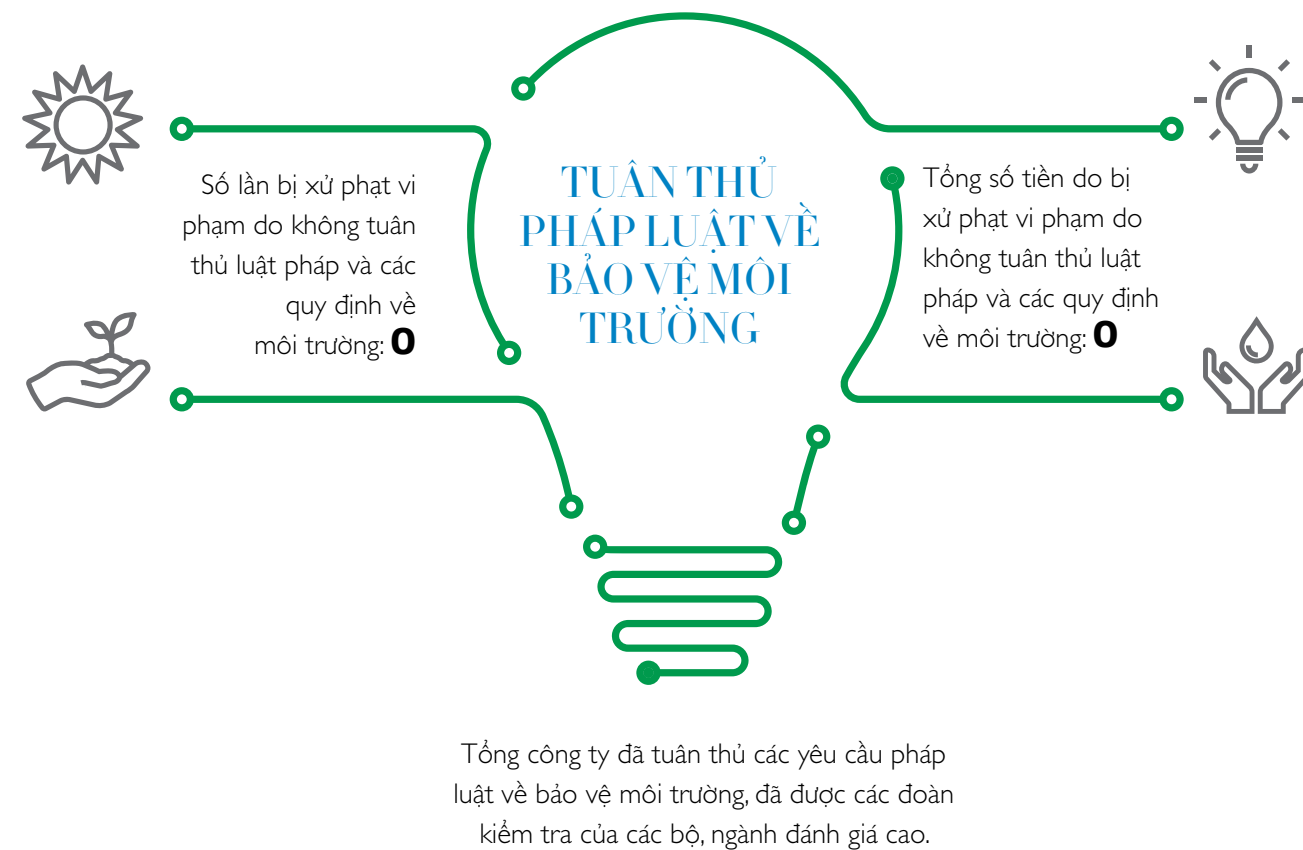
21.943 tấn DO và 6.335,78 tấn HFO

Trong đó:

- NMD Cà Mau 1&2: 19.704,7 tấn DO
- NMD Nhơn Trạch 1: 119,24 tấn DO
- NMD Vũng Áng 1: 2.118,6 tấn DO, 6.335,78 tấn HFO

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp
Tổng điện tự dùng của các nhà máy điện do PV Power trực tiếp quản lý như sau:
 - Nhà máy điện Cà Mau 1&2: 151,53 triệu kWh
 - Nhà máy điện Nhơn Trạch 1: 48,69 triệu kWh
 - Nhà máy điện Vũng Áng 1: 408,48 triệu kWh
- Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không có
- Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không có



TIÊU THỤ NƯỚC (MỨC TIÊU THỤ NƯỚC CỦA CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM)

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

Các nhà máy sử dụng nguồn nước từ 02 thành phần:

- Nguồn nước làm mát turbine hơi:
 - Nhà máy điện Cà Mau 1&2 sử dụng nguồn nước từ sông Cái Tàu để làm mát
 - Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 sử dụng nguồn nước từ sông Đồng Tranh
 - Nhà máy điện Vũng Áng 1 sử dụng nguồn nước từ biển
- Nguồn nước dùng để xử lý, sử dụng cho lò hơi:
 - Nguồn nước NMD Cà Mau 1&2 từ trạm cấp nước thủy cục: nhà máy nước Khánh An và U Minh
 - Nguồn nước nhà máy điện Nhơn Trạch 1 từ máy nước của công ty cấp thoát nước Nhơn Trạch cung cấp
 - Nguồn nước nhà máy điện Vũng Áng do công ty Hoàng Sơn cung cấp



PV Power Nhơn Trạch

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

SỐ LIỆU LAO ĐỘNG VÀ MỨC LƯƠNG TRUNG BÌNH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tổng số CBCNV của Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP tại ngày 31/12/2018 là 1.205 người, trong đó người quản lý là 15, người lao động là 1.190. Đội ngũ cán bộ nhân viên phát triển song song với quy mô ngày càng mở rộng của Tổng công ty, trong đó trên 72% lao động có trình độ đại học và trên đại học; đội ngũ cán bộ, chuyên gia kỹ thuật của PV Power đủ khả năng làm chủ được công nghệ, vận hành thông suốt các nhà máy điện.

Mức lương bình quân của người lao động giai đoạn công ty cổ phần (6 tháng cuối năm 2018) là: 17,8 triệu đồng/người/tháng.

CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG NHẪM ĐẢM BẢO SỨC KHỎE, AN TOÀN VÀ PHÚC LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Người lao động được hưởng đầy đủ các chính sách, chế độ theo quy định của Nhà nước (về thời giờ làm việc, đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc...), theo Quy chế khen thưởng và Thỏa ước lao động tập thể của Tổng công ty...

Áp dụng chế độ tiền lương, tiền thưởng cho người lao động, người quản lý của Tổng công ty phù hợp với quy định tại Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh & Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước

Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, tạo môi trường và điều kiện lao động thân thiện, hợp vệ sinh; tổ chức các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao... tạo không khí vui tươi phấn khởi. Thực hiện khám chữa bệnh

định kỳ; trang bị đầy đủ dụng cụ, phương tiện AT-BHLD cho người lao động. Tổ chức cho người lao động được đi tham quan nghỉ mát hàng năm.

Triển khai mua các gói bảo hiểm chăm sóc sức khỏe trách nhiệm cao, bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm hưu trí tự nguyện... cho toàn thể CBCNV của Tổng công ty.

HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Người lao động luôn được đào tạo về chuyên môn, an toàn định kỳ, được bồi dưỡng nâng cao kiến thức và kỹ năng làm việc nhằm nâng cao tay nghề, trình độ chuyên môn và đáp ứng tốt yêu cầu công việc.

Năm 2018, Tổng công ty đã tổ chức đào tạo cho 2.745 lượt người với tổng kinh phí là 8,177 tỷ đồng.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

100% người lao động có nguyện vọng được sắp xếp và tiếp tục làm việc khi Tổng công ty thực hiện cổ phần hóa (không có lao động dôi dư).

Người lao động được sắp xếp, bố trí công việc phù hợp với khả năng và trình độ chuyên môn, tạo việc làm ổn định cho người lao động, không xảy ra các trường hợp ngừng việc hay mất việc.

Các kiến nghị của người lao động đưa ra tại các buổi đối thoại định kỳ được xem xét, xử lý một cách kịp thời và thỏa đáng.

Năm 2018 cũng là năm thứ ba liên tiếp Tổng công ty được Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam vinh danh là Doanh nghiệp vì người lao động.



Tổng số **1.205 CBCNV**

Lương bình quân của người lao động:

17,8 triệu đồng/người/tháng

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI ĐỊA PHƯƠNG

Trong năm 2018, Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP thực hiện triển khai công tác an sinh xã hội và ký kết thỏa thuận tài trợ với các tỉnh Nam Định, Hà Nam, Nghệ An, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Lạng Sơn, Ninh Thuận, Lào Cai,

Quảng Bình; các tổ chức y tế, bệnh viện Bạch Mai, Hội bảo vệ Quyền trẻ em Việt Nam. Tính đến ngày 31/12/2018, PV Power đã giải ngân số tiền là 24.899.216.000 đồng.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG HỒ CÔNG KỲ

Chủ tịch HĐQT
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác

- **02/1986 - 02/2007:** Nhân viên, Phó phòng, Trưởng Phòng Kế toán tài vụ Nhà máy Đồ hộp xuất khẩu Nghĩa Đàn, Nghệ An; Thanh tra viên Thanh tra tỉnh Nghệ An; Cán bộ Bảo hiểm xã hội Liên đoàn Lao động tỉnh Nghệ An; Kế toán trưởng Ban QLDA, Phó giám đốc Công ty Xi măng Nghệ An; Kế toán trưởng Ban QLDA, Phó Giám đốc Ban QLDA Khu liên hợp thể thao Quốc gia Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội; Phó Vụ trưởng Vụ Kế hoạch Tài chính, Ủy ban Thể dục Thể thao
- **03/2007 - 09/2007:** Phó Tổng Giám đốc Ban QL các DA Thủy điện (Tập đoàn Dầu khí Việt Nam) kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thủy điện Hòa Na.
- **9/2007 - 01/2008:** Tổng Giám đốc Ban Quản lý các Dự án Thủy điện
- **02/2008 - 07/2008:** Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý và Khai thác tài sản Dầu khí.
- **8/2008 - 02/2009:** Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam
- **3/2009 - 11/2010:** Trưởng ban Ban QLDA Điện lực Dầu khí Long Phú-Sông Hậu, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- **11/2010 - 05/2013:** Chánh Văn phòng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- **5/2013 - 12/2014:** Chủ tịch Công đoàn Dầu khí Việt Nam
- **01/2015 - 25/6/2018:** Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH 1TV - Tổng công ty ĐLDK Việt Nam
- **26/6/2018 - nay:** Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**ÔNG LÊ NHƯ LINH**

Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Kinh tế

**ÔNG VŨ HUY AN**

Thành viên HĐQT
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác

- **10/1990 - 02/1994:** Giảng viên Trường Đại học Mỏ địa chất
- **03/1994 - 07/2009:** Chuyên viên, Phó trưởng ban Kế hoạch đầu tư, Trưởng ban Đầu tư phát triển Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- **08/2009 - 03/2010:** Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Dầu khí
- **04/2010 - 12/2013:** Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty Dầu Việt Nam
- **12/2013 - 01/12/2018:** Phó Bí thư Đảng ủy, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP
- **11/2018 - 01/12/2018:** Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP
- **01/12/2018 - Nay:** Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**ÔNG NGUYỄN HỮU QUÝ**

Thành viên HĐQT
Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngoại thương,
Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Thạc sỹ thương mại quốc tế

Quá trình công tác

- **03/1985 - 05/1995:** Cán bộ Phòng Giá cả & Ngoại hối, Cán bộ Phòng Kế toán tài vụ Cán bộ, Phó trưởng phòng Thị trường Công ty XNK Khoáng sản (Bộ Thương mại)
- **05/1995 - 08/2008:** Cán bộ Phòng Thương mại, Phó trưởng phòng Thị trường thuộc Ban Thương mại, Thành viên Ban kiểm soát thuộc Hội đồng quản trị Tổng công ty Dầu khí Việt Nam
- **05/2007 - 08/2008:** Kiểm soát viên (kiêm nhiệm) Tổng công ty Thăm dò - Khai thác dầu khí
- **08/2008 - 02/2009:** Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Tổng giám đốc Công ty TNHH 1TV Cung ứng nhân lực và Dịch vụ Dầu khí
- **02/2009 - 25/6/2018:** Thành viên chuyên trách Hội đồng thành viên Công ty TNHH 1TV - Tổng công ty ĐLDK Việt Nam
- **26/6/2018 - Nay:** Thành viên HĐQT Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP

**ÔNG PHẠM XUÂN TRƯỜNG**

Thành viên HĐQT
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hệ thống điện,
Thạc sỹ Kỹ thuật điện

Quá trình công tác

- **6/1985 - 9/1985:** Học viên sỹ quan dự bị Bộ tư lệnh Phòng không
- **12/1985 - 12/1987:** Cán bộ Kỹ thuật Chi nhánh điện Kinh Môn - Sở Điện lực Hải Hưng
- **01/1988 - 3/1997:** Trưởng ca Điều độ, Phó phòng, Phụ trách phòng Phòng Điều độ - Thông tin, Trưởng Trung tâm điều độ - Thông tin, Bí thư đoàn thanh niên Sở Điện lực Hải Hưng.
- **4/1997-10/2004:** Trưởng phòng kỹ thuật- An toàn, Đảng ủy viên, Bí thư Đoàn thanh niên, Phó Giám đốc Sở Điện lực Hưng Yên
- **11/2004 - 3/2008:** Giám đốc Sở Công nghiệp Hưng Yên
- **4/2008 - 25/6/2018:** Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH 1TV - Tổng công ty ĐLDK Việt Nam
- **26/6/2018 - Nay:** Thành viên HĐQT Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP

BAN ĐIỀU HÀNH

**ÔNG LÊ NHƯ LINH**

Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Kinh tế

Quá trình công tác

- **10/1990 - 02/1994:** Giảng viên Trường Đại học Mỏ địa chất
- **03/1994 - 07/2009:** Chuyên viên, Phó trưởng ban Kế hoạch đầu tư, Trưởng ban Đầu tư phát triển Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- **08/2009 - 03/2010:** Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Dầu khí
- **04/2010 - 12/2013:** Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty Dầu Việt Nam
- **12/2013 - 01/12/2018:** Phó Bí thư Đảng ủy, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP
- **11/2018 - 01/12/2018:** Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP
- **01/12/2018 - Nay:** Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP

BAN ĐIỀU HÀNH

**BÀ NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH**

Phó Tổng giám đốc
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Đô thị,
Thạc sĩ Kỹ thuật quy hoạch đô thị

Quá trình công tác

- **1994 - 2000:** Chuyên viên Ban quản lý dự án thị xã Hà Đông
- **2000 - 7/2007:** Chuyên viên Phòng dịch vụ tài chính tiền tệ, Chuyên viên Phòng Đầu tư, Phó Phòng phụ trách, Trưởng Phòng Đầu tư Công ty Tài chính Dầu khí
- **07/2007 - 09/2008:** Thành viên Ban trụ bị thành lập Ngân hàng Thương mại cổ phần Dầu khí - Phụ trách khối Ngân hàng Đầu tư.
- **09/2008 - 05/2009:** Phó chủ tịch Công đoàn Dầu khí Việt Nam
- **05/2009 - 25/6/2018:** Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH 1TV - Tổng công ty ĐLĐK Việt Nam
- **26/6/2018 - Nay:** Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP

**ÔNG NGUYỄN DUY GIANG**

Phó Tổng giám đốc
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế,
Thạc sĩ Quản lý năng lượng

Quá trình công tác

- **09/1996 - 10/2007:** Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán, Phó trưởng phòng Tài chính Kế toán, Phó trưởng phòng Kinh doanh Công ty xi măng Hoàng Mai thuộc Tổng công ty xi măng Việt Nam
- **10/2007 - 03/2009:** Trưởng phòng, Phó phòng Kinh tế Kế hoạch Ban Quản lý các dự án Thủy điện, thuộc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
- **03/2009 - 10/2009:** Phó Tổng giám đốc Công ty tư vấn QLDA Điện lực Dầu khí Việt Nam thuộc Tổng công ty ĐLĐK Việt Nam
- **10/2009 - 11/2015:** Trưởng Ban Kinh tế Kế hoạch Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty, Phó Trưởng Ban QLDA Nhiệt điện Sông Hậu 1 Tổng công ty ĐLĐK Việt Nam
- **07/2014 - 25/6/2018:** Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH 1TV - Tổng công ty ĐLĐKVN
- **26/6/2018 - Nay:** Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP

BAN ĐIỀU HÀNH

**ÔNG NGUYỄN MẠNH TƯỜNG**

Phó Tổng giám đốc
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí, Thạc sĩ kỹ thuật

**ÔNG PHAN ĐẠI THÀNH**

Phó Tổng giám đốc
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện

Quá trình công tác

- **06/1998 - 10/2000:** Kỹ sư cơ khí, Phòng Kỹ thuật Ban quản lý dự án khí, PV GAS
- **11/2000 - 9/2001:** Kỹ sư cơ khí, Phòng Kỹ thuật Ban CBDT Công trình Khí Điện Đạm Cà Mau, PVN
- **09/2001 - 10/2007:** Trưởng nhóm Cơ khí Phòng kỹ thuật khí, Phó trưởng phòng, Phó trưởng phòng phụ trách, Trưởng phòng dự án khí Ban quản lý dự án Khí Điện Đạm Cà Mau, PVN
- **10/2007 - 03/2009:** Phó Giám đốc Ban QLDA Khí Tây Nam Bộ PV GAS
- **03/2009 - 05/2010:** Phó Trưởng Ban QLDA Khí Tây Nam Bộ - PVN
- **05/2010 - 04/2012:** Phó Giám đốc Công ty Điều hành Đường ống Lô B - Ô Môn
- **10/2012 - 05/2017:** Quyền Trưởng ban, Trưởng ban Xây dựng, Thành viên Hội đồng quản trị PV GAS
- **06/2017 - 25/6/2018:** Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH 1TV - Tổng công ty ĐLDK Việt Nam
- **26/6/2018 - Nay:** Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP

Quá trình công tác

- **06/1993 - 10/1994:** Chuyên viên Công ty Công nghệ mới - Viện khoa học Việt Nam
- **10/1994 - 12/1996:** Phó trưởng Phòng Kỹ thuật Công ty liên doanh Thép Việt - Úc Hải Phòng
- **01/1997 - 06/2003:** Phó trưởng Phòng Kế hoạch đầu tư, Phó trưởng Phòng Kế hoạch thống kê Tổng Công ty Cơ khí xây dựng
- **07/2003 - 02/2005:** Giám đốc Công ty xây lắp và dịch vụ kỹ thuật Tổng Công ty Cơ khí xây dựng
- **03/2005 - 10/2007:** Giám đốc Công ty Cổ phần xây dựng và lắp máy điện nước số 3
- **11/2007 - 10/2015:** Tổng Giám đốc Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN
- **10/2015 - 05/2018:** Trưởng ban Kỹ thuật Công ty TNHH 1TV - Tổng công ty ĐLDK Việt Nam
- **01/06/2018 - 25/6/2018:** Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH 1TV - Tổng công ty ĐLDK Việt Nam
- **26/06/2018 - Nay:** Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP

BAN ĐIỀU HÀNH

**ÔNG HOÀNG VĂN NGHIỆP**

Phó Tổng giám đốc
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thủy điện

**ÔNG NGUYỄN MINH ĐẠO**

Phó Tổng giám đốc
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thiết kế, Xây dựng và Vận hành đường ống, bể chứa Dầu khí; Tiến sĩ Đường ống - Bể chứa

Quá trình công tác

- **1982 - 1990:** Chuyên viên Trung tâm thí nghiệm Tổng Công ty Sông Đà - Bộ Xây dựng
- **1990 - 1997:** Phó Giám đốc Xí nghiệp thủy công Công ty Xây dựng Thủy điện Vĩnh Sơn - Tổng Công ty Sông Đà
- **1997 - 2006:** Phó Giám đốc, Giám đốc Công ty Sông Đà 3 - Tổng Công ty Sông Đà
- **2006 - 10/2007:** Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly
- **11/2007 - 11/2008:** Phó phòng Tổ chức Đào tạo Tổng Công ty Sông Đà
- **11/2008 - 25/6/2018:** Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH 1TV - Tổng công ty ĐLDK Việt Nam
- **26/6/2018 - Nay:** Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP

Quá trình công tác

- **09/2000 - 06/2003:** Kỹ sư Ban Quản lý nhà máy lọc dầu Dung Quất
- **07/2003 - 12/2003:** Kỹ sư Phòng Công nghệ Mỏ, Công ty Đầu tư và Phát triển Dầu khí (PIDC)
- **01/2004 - 02/2008:** Chuyên viên, Phó trưởng ban Ban Xây dựng, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- **03/2008 - 14/7/2009:** Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty CP Hóa Dầu và Xơ sợi tổng hợp Dầu khí (PVTex)
- **15/7/2009 - 02/2018:** Trưởng ban Ban Đầu tư Phát triển, Trưởng ban Khí, Trưởng ban Xây dựng, Cán bộ Văn phòng HĐQT Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- **03/7/2018 - Nay:** Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP

BAN ĐIỀU HÀNH



BÀ HÀ THỊ MINH NGUYỆT

Kế toán trưởng
Trình độ chuyên môn:Thạc sĩ kế toán

Quá trình công tác

- **05/1992 - 12/2007:** Kế toán viên, Phó phòng giao dịch 1, Phó phụ trách kế toán Sở giao dịch ngân hàng Ngoại thương VN
- **01/2008 - 10/2008:** Kế toán trưởng Ban trụ bị thành lập ngân hàng Dầu khí
- **10/2008 - 09/2010:** Trưởng ban Tài chính Công đoàn Dầu khí VN
- **09/2010 - 25/6/2018:** Kế toán trưởng Công ty TNHH 1TV - Tổng công ty ĐLDK Việt Nam
- **26/6/2018 - Nay:** Kế toán trưởng Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP

Những thay đổi trong ban điều hành

Họ và tên	Chức danh	Thay đổi	Hiệu lực
Nguyễn Xuân Hòa	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc	Chuyển công tác	01/12/2018
Lê Như Linh	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc	Được bổ nhiệm	01/12/2018

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

- 70 ■ Công tác tái cấu trúc, thoái vốn tại các đơn vị
- 71 ■ Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc
- 72 ■ Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 74 ■ Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2019



CÔNG TÁC TÁI CẤU TRÚC, THOÁI VỐN TẠI CÁC ĐƠN VỊ

CÔNG TÁC TÁI CẤU TRÚC

- Công tác Cổ phần hóa, chuyển giao dịch sang sàn HOSE
 - Ngày 14/1/2019 PV Power chính thức chuyển cổ phiếu POW sang sàn giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE).
 - Hiện tại, Tổng công ty đang tập trung công tác quyết toán chi phí cổ phần hóa.
- Công tác tái cơ cấu, sắp xếp đổi mới doanh nghiệp
 - Hoàn thành sát nhập 2 Ban Đầu tư phát triển và Ban Xây dựng thành Ban Đầu tư Xây dựng.
 - Thành lập Ban Kiểm soát nội bộ Tổng công ty.
 - Hoàn thành thủ tục thành lập mới và ban hành chức năng nhiệm vụ Văn Phòng/các Ban chức năng thuộc Công ty cổ phần (Quyết định số 25/QĐ-ĐLĐK và số 26/QĐ-ĐLĐK ngày 05/7/2018).
 - Hoàn thành sửa đổi, ban hành Quy chế tổ chức & hoạt động của các chi nhánh phù hợp mô hình hoạt động CTCP và Điều lệ tổ chức & hoạt động của Tổng công ty (PV Power Ha Tinh, PV Power Ca Mau, PV Power NT, PV Power Coal và PV Power G-Board).
 - Thực hiện nghiên cứu, hoàn thiện phương án tái cơ cấu các đơn vị thành viên TCT (PV Power Services; PV Machino; PV Power NT2) và mô hình cơ cấu tổ chức của các công ty con vận hành Nhà máy Thủy điện: PV Power HHC, PV Power DHC và PV Power BacKan.

CÔNG TÁC THOÁI VỐN

- Năm 2018, Tổng công ty đã thực hiện thoái vốn thành công tại 02 đơn vị:
 - Công ty CP Thủy điện Sông Vàng: Ngày 05/2/2018, đã thoái toàn bộ phần vốn góp tại đơn vị theo hình thức khớp lệnh trên sàn với giá bán 12.800 đồng/CP, giá trị thu hồi đạt 60,4 tỷ đồng.
 - Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc: Thực hiện thoái vốn theo hình thức khớp lệnh trên sàn. Ngày 16/3/2018, thực hiện khớp lệnh 1.802.400 Cp với giá 10.900 đồng/cp. Ngày 17/4/2018, thực hiện khớp lệnh toàn bộ số cổ phần còn lại (1.770.933 CP) với giá 10.900 đ/cp. Tổng giá trị thu hồi của hai lần đạt 38,8 tỷ đồng.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐÃ HOÀN THÀNH TỐT NHIỆM VỤ QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH, CỤ THỂ

- Triển khai, chỉ đạo các ban chức năng, đơn vị phối hợp thực hiện tốt, nghiêm túc các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị.
- Quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng phân cấp, phân quyền giữa Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.
- Thường xuyên báo cáo đầy đủ, kịp thời trong quá trình triển khai thực hiện các chỉ đạo của Hội đồng quản trị khi có vấn đề phát sinh vượt phân cấp thẩm quyền quyết định của Ban Tổng giám đốc.
- Thường xuyên làm việc với các đơn vị/chi nhánh để kịp thời chấn chỉnh công tác điều hành sản xuất kinh doanh theo định hướng chung, giải quyết kịp thời các khó khăn vướng mắc trong sản xuất kinh doanh và đầu tư của từng đơn vị.
- Quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh bài bản, trung thực, cẩn trọng với tinh thần trách nhiệm cao, khắc phục khó khăn, không ngừng đổi mới nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp để hoàn thành tốt các công việc, nhiệm vụ được giao vì lợi ích hợp pháp, tối đa của Tổng công ty và các cổ đông.
- Có giải pháp điều hành Tổng công ty linh hoạt, nhạy bén, ứng phó kịp thời với các bất lợi, rủi ro.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

BÁO CÁO & ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

SẮP XẾP, HOÀN THIỆN MÔ HÌNH TỔ CHỨC TỔNG THỂ PHÙ HỢP THỰC TIỄN

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY

Sau khi hoàn thành cổ phần hóa và tổ chức thành công ĐHĐCĐ lần thứ nhất vào ngày 26/6/2018, Tổng công ty đã triển khai các thủ tục hoàn thiện mô hình tổ chức và nhân sự tại Công ty mẹ. Trên cơ sở Nghị quyết số 03/NQ-ĐLĐK ngày 05/7/2018 của Hội đồng quản trị, Tổng công ty đã hoàn thành:

- Sắp xếp, hoàn thiện mô hình tổ chức Cơ quan Tổng công ty theo hướng gọn nhẹ, tinh giảm đầu mối: (i) Tổ chức lại Ban Đầu tư phát triển & Ban Xây dựng thành Ban Đầu tư – Xây dựng; (ii) Đổi tên Ban Pháp chế & Quan hệ công chúng thành Ban Pháp chế - Quan hệ cổ đông.
- Ban hành chức năng nhiệm vụ Văn Phòng/các Ban chức năng thuộc Công ty mẹ - Tổng công ty.
- Thủ tục bổ nhiệm nhân sự Ban điều hành cơ quan Tổng công ty, cán bộ lãnh đạo quản lý tại các Ban chức năng Tổng công ty và các thủ tục bổ nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng tại các đơn vị trực thuộc.
- Sắp xếp, bố trí lao động tại Cơ quan Tổng công ty ĐLĐK Việt Nam – CTCP.

Ngoài ra, Tổng công ty đã thực hiện thành lập Ban Kiểm soát nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị để tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị trong công tác kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý điều hành (trên cơ sở Quyết định số 195/QĐ-ĐLĐK ngày 07/8/2018 của Hội đồng quản trị Tổng công ty).

ĐỐI VỚI CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

Tổng công ty hoàn thành việc đổi tên Chi nhánh và đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động các Chi nhánh Tổng công ty ĐLĐK Việt Nam – CTCP trong tháng 8/2018 phù hợp với mô hình hoạt động mới.

Đồng thời, Tổng công ty chỉ đạo các đơn vị rà soát, kiện toàn lại bộ máy tổ chức trên cơ sở thu gọn các đầu mối, nhằm tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tháng 10/2018, Tổng công ty đã hoàn thành việc: (i) kiện toàn tổ chức & nhân sự Chi nhánh PV Power G-Board (trên cơ sở Quyết định số 560/QĐ-ĐLĐK ngày 11/10/2018).
- Tháng 01/2019, hoàn thành việc kiện toàn mô hình tổ chức tại các Chi nhánh PV Power Ha Tinh, PV Power Ca Mau, PV Power NT, cụ thể:
 - Tổ chức lại Phòng Vật tư và Phòng Kế hoạch kinh doanh thành Phòng Kế hoạch vật tư.
 - Nhập Phân xưởng Hóa – Thí nghiệm vào Phân xưởng Vận hành.

CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

Chỉ đạo người đại diện tại các đơn vị thành viên rà soát, đánh giá mô hình tổ chức hiện tại, đề xuất mô hình mới theo hướng gọn nhẹ, hiệu quả, phù hợp tình hình thực tiễn để nâng cao năng lực, hiệu quả SXKD.

RÀ SOÁT, SỬA ĐỔI VÀ XÂY DỰNG MỚI HỆ THỐNG QUY CHẾ, QUY ĐỊNH NỘI BỘ CỦA TỔNG CÔNG TY VÀ CÁC ĐƠN VỊ

- Chức năng, nhiệm vụ Văn Phòng/các Ban chức năng Tổng công ty thường xuyên được rà soát, điều chỉnh phù hợp với nhu cầu thực tế; Tổng công ty cũng thực hiện rà soát, sửa đổi, hoàn thiện và xây dựng mới các quy chế, quy định nội bộ phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật kịp thời đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh.
- Tổng công ty chỉ đạo người đại diện của Tổng công ty tại các đơn vị thành viên, Giám đốc các đơn vị trực thuộc tổ chức rà soát, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ của đơn vị trên cơ sở hệ thống quy chế, quy định của Tổng công ty và phù hợp tình hình SXKD của đơn vị.
- Trong thời gian tới, Tổng công ty sẽ tiếp tục tập trung sửa đổi, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ theo hướng phân cấp rõ ràng cho các đơn vị để tạo sự chủ động, đồng thời xác định rõ quyền hạn và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong doanh nghiệp.

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 2019

CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CHÍNH

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2019
SẢN LƯỢNG ĐIỆN		
Toàn Tổng công ty	Triệu kWh	21.600,0
Công ty mẹ	Triệu kWh	15.759,7
DOANH THU		
Toàn Tổng công ty	Tỷ đồng	32.769,5
Công ty mẹ	Tỷ đồng	23.125,9
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		
Toàn Tổng công ty	Tỷ đồng	2.500,2
Công ty mẹ	Tỷ đồng	2.086,0
LỢI NHUẬN SAU THUẾ		
Toàn Tổng công ty	Tỷ đồng	2.275,2
Công ty mẹ	Tỷ đồng	1.897,1
NỘP NSNN		
Toàn Tổng công ty	Tỷ đồng	1.304,4
Công ty mẹ	Tỷ đồng	761,6
TỶ SUẤT LỢI NHUẬN SAU THUẾ/VỐN CHỦ SỞ HỮU		
	%	7,5
TỶ LỆ CHIA CỔ TỨC (BẰNG CỔ PHIẾU)		
	%	6%
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ CÔNG TY MẸ		
Nhu cầu vốn đầu tư		
Đầu tư xây dựng cơ bản	Tỷ đồng	486,1
Mua sắm trang thiết bị	Tỷ đồng	255,0
Góp vốn vào đơn vị thành viên	Tỷ đồng	93,9
	Tỷ đồng	137,3
Nguồn vốn đầu tư		
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	486,1
Vốn vay + khác	Tỷ đồng	-

BÁO CÁO & ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Năm 2019, PV Power - Công ty mẹ dự kiến triển khai chuẩn bị đầu tư dự án NMD Nhơn Trạch 3&4 (dự án nhóm A); triển khai thực hiện đầu tư, thanh quyết toán các dự án nhóm C và mua sắm trang thiết bị và đầu tư tài chính với giá trị giải ngân 348,9 tỷ đồng; tập trung cho phát triển cơ sở hạ tầng để tăng năng lực SXKD...

Kế hoạch giải ngân một số dự án với tổng giá trị lên tới:

486,1 tỷ đồng

► Chuẩn bị và thực hiện đầu tư các dự án tại Công ty mẹ:

255 tỷ đồng

Dự án NMD Nhơn Trạch 3&4: 127 tỷ đồng; Đầu tư trang bị phần mềm quản lý hiệu năng vận hành (PPMS) NMD Vũng Áng 1: 62 tỷ đồng; Đầu tư trang bị hệ thống mô phỏng vận hành nhà máy điện PV Power: 45 tỷ đồng; Dự án lắp đặt bộ lọc giảm ảnh hưởng của hiện tượng SSR (Blocking Filter): 1 tỷ đồng; Đầu tư mở rộng kho than NMD Vũng Áng 1: 20 tỷ đồng.

► Mua trang thiết bị phục vụ hoạt động SXKD (cho Văn phòng TCT, các NMD):

93,9 tỷ đồng

► Góp vốn vào đơn vị thành viên (PV Power DHC):

137,3 tỷ đồng



QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 78 ■ Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị
- 80 ■ Quản trị công ty
- 84 ■ Ban Kiểm soát
- 88 ■ Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban Kiểm soát

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2019 dự báo là một năm tiếp tục khó khăn đối với PV Power; nguồn khí ngày càng suy giảm ảnh hưởng lớn đến việc đảm bảo đủ khí và độ khả dụng của các nhà máy nhiệt điện khí; TKV đang gặp khó khăn trong việc cân đối nguồn than cung cấp cho các Nhà máy điện; chi phí bảo dưỡng sửa chữa ngày một lớn; nhiều dự án mới có nhu cầu vốn lớn, tiến độ sát cần phải tập trung và huy động nguồn lực lớn để đảm bảo tiến độ... Với những khó khăn nêu trên, để đảm bảo nhiệm vụ hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019, Hội đồng quản trị đã xác định những nội dung chính cần thực hiện như sau:

- Chỉ đạo triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 phấn đấu đạt và vượt các chỉ tiêu của toàn Tổng công ty như sau:
 - Tổng sản lượng điện: 21,6 tỷ kWh
 - Tổng doanh thu: 32.769 tỷ đồng
 - Lợi nhuận trước thuế: 2.500 tỷ đồng
 - Lợi nhuận sau thuế: 2.275 tỷ đồng
 - Nộp ngân sách: 1.304 tỷ đồng
 - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ/Vốn chủ sở hữu là 7.5%
 - Tỷ lệ chia cổ tức là 6%
- Bám sát thị trường bán buôn điện cạnh tranh, tối ưu hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh các Nhà máy điện.
- Trung tu Nhà máy điện Hòa Na; tiểu tu các Nhà máy điện: Cà Mau 1&2, Nhơn Trạch 1&2, Đakrinh, Nậm Cắt và sửa chữa định kỳ Nhà máy điện Vũng Áng 1 đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn hiệu quả; triển khai công việc chuẩn bị công tác bảo dưỡng định kỳ các Nhà máy điện trong năm 2020.
- Cung cấp than ổn định cho nhà máy, đáp ứng nhu cầu huy động của thị trường; triển khai các giải pháp căn cơ, thực hiện công tác tiêu thụ tro xỉ nhằm đảm bảo vận hành an toàn, liên tục cho Nhà máy điện Vũng Áng 1.
- Nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp; kiểm soát tốt và tiết kiệm/tiết giảm tối đa các khoản chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, đảm bảo lợi ích của các cổ đông; quản lý và sử dụng vốn, tài sản an toàn, đúng mục đích; đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty mẹ và các đơn vị thành viên hiệu quả. Tăng cường quản lý công tác mua sắm vật tư thiết bị, thực hiện các giải pháp giảm tồn kho nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.
- Tập trung chỉ đạo dự án trọng điểm Nhà máy điện Nhơn Trạch 3&4 theo tiến độ được duyệt; đôn đốc việc lập báo cáo dự án đầu tư xây dựng công trình (FS), đàm phán các hợp đồng mua bán LNG, mua bán điện PPA, thu xếp vốn cho dự án Nhơn Trạch 3&4 và triển khai các gói thầu khác trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư của dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3&4; chỉ đạo, tiếp tục triển khai các công việc liên quan đến dự án thủy điện Luang Prabang theo chỉ đạo các cấp có thẩm quyền; chỉ đạo nghiên cứu triển khai dự án đầu tư mở rộng kho than Nhà máy điện Vũng Áng 1; Nghiên cứu triển khai xây dựng dự án trụ sở văn phòng PV Power độc lập.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tái cấu trúc tại Công ty mẹ và các đơn vị thành viên, thoái vốn theo phương án được duyệt; triển khai các thủ tục giải thể/phá sản đối với đơn vị kinh doanh không hiệu quả/thua lỗ và không thể thực hiện thoái vốn theo quy định pháp luật; tập trung nguồn tài chính cho mục tiêu phát triển PV Power bền vững trong những năm tới cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động tài chính của PV Power.
- Đẩy mạnh việc xây dựng thương hiệu PV Power một cách thực chất dựa trên nền tảng sản xuất kinh doanh hiệu quả, bền vững, quản trị chuyên nghiệp; làm tốt công tác quan hệ với các nhà đầu tư, các công ty chứng khoán, phấn đấu đưa cổ phiếu POW vào rổ VN30.
- Thực hiện tốt công tác an toàn, sức khỏe, môi trường, phòng chống cháy nổ tại các Nhà máy điện.
- Triển khai công tác an sinh xã hội phù hợp với điều kiện hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

QUẢN TRỊ CÔNG TY



QUẢN TRỊ CÔNG TY

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU

- Hội đồng quản trị có 5 thành viên
- Chỉ phát hành duy nhất một loại chứng khoán
- Các thành viên trong Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức danh thành viên HĐQT tại các công ty khác

Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
Thành viên đương nhiệm			
Ông Hồ Công Kỳ	Chủ tịch	26/06/2018	29,94%
Ông Lê Như Linh	Thành viên	01/12/2018	20%
Ông Nguyễn Hữu Quý	Thành viên	26/06/2018	10%
Ông Vũ Huy An	Thành viên	26/06/2018	10%
Ông Phạm Xuân Trường	Thành viên	26/06/2018	10%
Thành viên đã mãn nhiệm			
Ông Nguyễn Xuân Hòa	Thành viên	26/06/2018 01/12/2018	

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- BKS nội bộ được thành lập tháng 8 năm 2018, với 8 thành viên có nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị trong công tác kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý điều hành trong PV Power; giúp Hội đồng quản trị kịp thời phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế, khắc phục các sai sót, vi phạm, rủi ro, kém hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và các đơn vị thành viên

CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Hội đồng quản trị đã tổ chức 18 cuộc họp Hội đồng quản trị vào các ngày 26/06/2018, 06/7/2018, 24/7/2018, 02/8/2018, 09/8/2018, 15/8/2018, 24/8/2018, 20/9/2018, 02/10/2018, 08/10/2018, 12/10/2018, 29/10/2018, 08/11/2018, 01/12/2018, 27/12/2018... 100% số lượng thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp tham gia cuộc họp.
- Tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ lần đầu vào ngày 26/6/2018, cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường vào ngày 23/11/2018. 100% số lượng thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp tham gia cuộc họp.
- Chủ trì, đồng chủ trì nhiều cuộc họp quan trọng liên quan đến các hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư, xây dựng, tài chính, tổ chức, nhân sự, tái cấu trúc... của Tổng công ty.
- Tham gia các cuộc họp giao ban định kỳ của Tổng công ty.
- Xem xét các báo cáo, đánh giá của Ban kiểm soát về hoạt động của Tổng công ty và các đơn vị thành viên.
- Các thành viên Hội đồng quản trị đều tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị và các cuộc họp, trừ trường hợp đi công tác ở các tỉnh, thành phố khác. Khi không thể tham gia các cuộc họp do phải đi công tác, thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt cho ý kiến, biểu quyết bằng phiếu lấy ý kiến, qua email, điện thoại.

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số chứng chỉ hoàn thành khóa học	Đơn vị đào tạo
Ông Lê Như Linh	Thành viên HĐQT kiêm TGĐ	- Số: 19QTC48/QĐ-TTNC - Ngày cấp: 10/4/2017	Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán

CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong giai đoạn từ 01/7/2018 đến 31/12/2018 Hội đồng quản trị đã ban hành 70 nghị quyết, 128 quyết định và 103 công văn, báo cáo/tờ trình để thực hiện công tác quản lý, điều hành cũng như kiểm tra giám sát, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Số nghị quyết/quyết định	Ngày	Nội dung
02/NQ-ĐLTK	26/06/2018	Nghị quyết thông qua kết quả cuộc họp Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018-2023 lần thứ nhất của Tổng công ty Điện lực Dầu khíViệt Nam - CTCP
40/QĐ-ĐLTK	06/07/2018	Quyết định thay đổi tên các Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khíViệt Nam - CTCP
09/NQ-ĐLTK	24/07/2018	Thông qua phương án tạm phân phối lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2018 của Công ty mẹ Tổng công ty Điện lực Dầu khíViệt Nam
158/QĐ-ĐLTK	02/08/2018	Quy chế ban hành văn bản quản lý nội bộ củaTổng CT Điện lực Dầu khíViệt Nam - CTCP
261/QĐ-ĐLTK	09/08/2018	Quy chế đánh giá hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của các đơn vị thành viênTổng công ty Điện lực Dầu khíViệt Nam - Công ty cổ phần
22/NQ-ĐLTK	15/08/2018	Thông qua nội dung công bố thông tin củaTổng công ty Điện lực Dầu khíViệt Nam - CTCP
357/QĐ-ĐLTK	24/08/2018	Quy chế tổ chức hoạt động của Chi nhánhTổng công ty Điện lực Dầu khíViệt Nam - Công ty cổ phần - Công ty Nhập khẩu và Phân phốiThan Điện lực Dầu khí
358/QĐ-ĐLTK	24/08/2018	Quy chế tổ chức hoạt động của Chi nhánhTổng công ty Điện lực Dầu khíViệt Nam - Công ty cổ phần - Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch
359/QĐ-ĐLTK	24/08/2018	Quy chế tổ chức hoạt động của Chi nhánhTổng công ty Điện lực Dầu khíViệt Nam - Công ty cổ phần - Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau
360/QĐ-ĐLTK	24/08/2018	Quy chế tổ chức hoạt động của Chi nhánhTổng công ty Điện lực Dầu khíViệt Nam - Công ty cổ phần - Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh
38/NQ-ĐLTK	20/09/2018	Thông qua tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định củaTổng công ty Điện lực Dầu khíViệt Nam - Công ty cổ phần
43/NQ-ĐLTK	02/10/2018	Thông qua danh mục hồ sơ đăng ký và phương thức xác định giá dự kiến niêm yết cho ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu POW trên HOSE
46/NQ-ĐLTK	08/10/2018	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018 củaTổng công ty Điện lực Dầu khíViệt Nam - Công ty cổ phần
51/NQ-ĐLTK	12/10/2018	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông và ngày dự kiến tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018
55/NQ-ĐLTK	29/10/2018	Thông qua nội dung công bố thông tin củaTổng công ty Điện lực Dầu khíViệt Nam - CTCP
56/NQ-ĐLTK	08/11/2018	Thông qua chương trình và tài liệu Đại hội đồng cổ đông bất thườngTổng công ty Điện lực Dầu khíViệt Nam - Công ty cổ phần
689/NQ-ĐLTK	01/12/2018	Bỏ nhiệmTổng giám đốcTổng công ty
67/NQ-ĐLTK	27/12/2018	Tạm thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty mẹ và các đơn vị thành viênTổng công ty Điện lực Dầu khíViệt Nam - Công ty cổ phần

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP;
HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

PV Power chưa có thành viên Hội đồng quản trị độc lập và chưa có các tiểu ban trong Hội đồng quản trị.

BAN KIỂM SOÁT



THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

Thành viên BKS	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
Vũ Quốc Hải	Trưởng ban	0,0001%
Lý Thị Thu Hương	Thành viên	0,0002%
Vũ Thị Ngọc Dung	Thành viên	0,0011%

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát (BKS) đã thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của mình theo quy định tại Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và điều lệ PV Power. Ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông bầu ngày 26/06/2018, BKS đã tiến hành thực hiện giám sát các hoạt động của PV Power như sau:

CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT

Thực hiện kiểm tra, giám sát theo kế hoạch:

- Giám sát thường xuyên hàng tháng, quý: Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, các chỉ tiêu tài chính, giám sát việc thực hiện tiết giảm chi phí, việc thực hiện tuân thủ pháp luật và điều lệ tổ chức hoạt động của Tổng công ty.
- Giám sát định kỳ: Giám sát công tác thương mại và quản lý các hợp đồng kinh tế, công tác thoái vốn; giám sát giá thành điện của các nhà máy, tình hình thực hiện các định mức kinh tế kỹ thuật các nhà máy điện; đánh giá hệ thống quy chế, quy định, quy trình theo các tiêu chí đầy đủ và phù hợp với quy định của pháp luật và thực tế hoạt động của Tổng công ty; giám sát công tác tổ chức nhân sự và lao động tiền lương; giám sát việc xây dựng và giao kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của Tổng công ty và các đơn vị thành viên.

Hoạt động giám sát của BKS đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và cổ đông:

- Hội đồng quản trị Tổng công ty đã tổ chức thực hiện nghiêm túc nghị quyết của đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/6/2018; đã ban hành các nghị quyết, quyết định liên quan đến công tác tái cấu trúc, cổ

phần hóa, sắp xếp và đổi mới doanh nghiệp, kiện toàn bộ máy tổ chức tại các đơn vị thành viên, sắp xếp bổ nhiệm, tái bổ nhiệm cán bộ, lao động, tiền lương, thưởng tại các đơn vị thành viên và Tổng công ty, thông qua sửa đổi, bổ sung chức năng nhiệm vụ của một số ban chức năng; ban hành các quy chế, quy định, công văn liên quan đến mọi mặt hoạt động điều hành sản xuất tại Tổng công ty.

- Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng quý theo quy định hoặc đột xuất để xử lý những đề xuất hoặc vướng mắc trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.
- Tổng giám đốc Tổng công ty đã tổ chức các cuộc họp giao ban Tổng công ty định kỳ (2 tuần 1 lần) để chỉ đạo hoạt động của Tổng công ty, triển khai các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và của Hội đồng quản trị. Ngoài ra đã tổ chức các cuộc họp chuyên đề để xử lý những khó khăn, vướng mắc trong quá trình điều hành hoạt động của Tổng công ty.
- Công tác ban hành các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc phù hợp với quy định của pháp luật, điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty, phù hợp với các quy định phân cấp theo thẩm quyền; chấp hành nghiêm túc các nghị quyết của đại hội đồng cổ đông và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018

Tiến hành thẩm định hàng quý và cả năm, đảm bảo tính đúng đắn, minh bạch trong các báo cáo. Kết quả thẩm định cho thấy:

- Báo cáo đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của PV Power tại thời điểm 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018.
- Báo cáo đã được công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam kiểm toán theo quy định tại điều lệ PV Power và nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông lần thứ nhất năm 2018.
- Các chỉ số tài chính cho thấy tình hình tài chính năm 2018 của PV Power lành mạnh, đảm bảo khả năng thanh toán, bảo toàn và phát triển vốn.
- Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế, theo các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành, lập và nộp báo cáo theo đúng quy định Nhà nước, phản ánh tính đúng đắn và toàn diện hoạt động tài chính của PV Power.
- Tổ chức quản lý, lưu trữ chứng từ, sổ sách kế toán đúng quy định.
- Thực hiện báo cáo và công bố thông tin định kỳ cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Thực hiện báo cáo quản trị đầy đủ theo quy định của PVN.

Sự phối hợp hoạt động của BKS với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc:

- BKS đã tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ hàng quý theo quy định, tham gia các cuộc họp đột xuất của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc. Tại các cuộc họp đã đóng góp ý kiến về nội dung, chất lượng, kết quả các hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và những vấn đề được xin ý kiến; đồng thời đã đưa ra các

kiến nghị, giải pháp, đề xuất nhằm xử lý các tồn tại bất cập, đóng góp vào việc hoàn thành các chỉ tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

- Chủ động thực hiện kế hoạch kiểm tra giám sát đã được phê duyệt, thông báo tới Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và đơn vị được kiểm soát biết nội dung chi tiết, thời gian và địa điểm kiểm soát để có thể phối hợp chặt chẽ.
- Kết thúc các hoạt động kiểm soát, BKS đã tổng hợp đánh giá, đề xuất kiến nghị trực tiếp về từng nội dung kiểm soát, từng đối tượng kiểm soát; kịp thời thông tin những nội dung này với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc để cùng phối hợp xử lý vì mục tiêu phát triển chung của Tổng công ty.
- BKS tuyệt đối tuân thủ các quyết định, chỉ đạo của Đại hội đồng cổ đông và các quy định pháp luật hiện hành, đồng thời luôn tôn trọng quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc; không tham gia biểu quyết, quyết định những nội dung không thuộc thẩm quyền của BKS.
- Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc tạo tất cả điều kiện để BKS thực hiện công tác kiểm soát theo kế hoạch đã đề ra; tổ chức tiếp nhận thông tin, kết quả hoạt động của Ban kiểm soát ngay sau khi nhận được báo cáo kết quả kiểm soát; triển khai chỉ đạo các đối tượng kiểm soát khắc phục và/hoặc chấn chỉnh theo những đề xuất kiến nghị.

Các hoạt động khác của BKS:

Ngoài ra, các kiểm soát viên cũng tham gia các hội nghị, hội thảo chuyên đề do Tổng công ty tổ chức nhằm tự nâng cao năng lực chuyên môn về các lĩnh vực sản xuất kinh doanh điện năng; tham gia các chuyến công tác tìm hiểu thị trường, học tập kinh nghiệm của các đối tác trong mô hình quản lý các nhà máy điện và thị trường điện; tham gia các chương trình, khóa học đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ do Tổng công ty tổ chức; tham gia các sự kiện khác do các tổ chức chính trị xã hội của Tập đoàn, của Tổng công ty tổ chức.

CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
Thành viên đương nhiệm					
Vũ Quốc Hải	Trưởng BKS	26/06/2018	14	100%	-
Lý Thị Thu Hương	Thành viên BKS	26/06/2018	14	100%	-
Vũ Thị Ngọc Dung	Thành viên BKS	26/06/2018	14	100%	-



Ông Vũ Quốc Hải

Bà Lý Thị Thu Hương

Bà Vũ Thị Ngọc Dung

BKS đã tổ chức 14 cuộc họp để triển khai các nội dung: Bầu trưởng ban kiểm soát; Soạn thảo và ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát; soạn thảo và ban hành quy trình kiểm soát; thực hiện phân công nhiệm vụ trong BKS; lập kế hoạch hoạt động của BKS 6 tháng cuối năm 2018; thảo luận và thống nhất nội dung và đánh giá kết quả công tác và kết quả kiểm soát tại các đơn vị trước khi gửi tới Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tổng công ty theo quy trình đã ban hành. Nội dung, kết quả các cuộc họp của BKS đều được các thành viên (3/3) tham gia biểu quyết thống nhất thông qua.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THUỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

TIỀN LƯƠNG, THUỞNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018:

Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương
Ông Hồ Công Kỳ	Chủ tịch HĐQT	454.381.818
Ông Nguyễn Hữu Quý	Thành viên HĐQT	403.920.346
Ông Vũ Huy An	Thành viên HĐQT	403.920.346
Ông Phạm Xuân Trường	Thành viên HĐQT	403.920.346
Ông Lê Như Linh	Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc (từ 01/12/2018)	74.250.000
Ông Hoàng Văn Nghiệp	Phó Tổng giám đốc	403.920.346
Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	Phó Tổng giám đốc	403.920.346
Ông Nguyễn Duy Giang	Phó Tổng giám đốc	403.920.346
Ông Phan Đại Thành	Phó Tổng giám đốc	403.920.346
Ông Nguyễn Mạnh Tường	Phó Tổng giám đốc	403.920.346
Ông Nguyễn Minh Đạo	Phó Tổng giám đốc	403.920.346
Ông Vũ Quốc Hải	Trưởng Ban kiểm soát	403.920.346
Bà Vũ Thị Ngọc Dung	Thành viên BKS	358.794.805
Bà Lý Thị Thu Hương	Thành viên BKS	358.794.805
Bà Hà Thị Minh Nguyệt	Kế toán trưởng	381.509.957

Số liệu tiền lương, thưởng của Người quản lý được tính trong giai đoạn Tổng công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần (06 tháng cuối năm 2018).

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Người thực hiện GD	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do
		Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ	
Lý Thị Thu Hương	Người nội bộ	15.700	0,0007%	5.700	0,0002%	Bán CP

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Không có

VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Tổng công ty được thành lập và hoạt động theo mô hình công ty cổ phần kể từ ngày 01/7/2018, ngày 31/8/2018 chính thức trở thành công ty đại chúng và cổ phiếu POW chính thức được niêm yết tại sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) từ ngày 14/01/2019.

Cơ cấu điều hành và quản trị công ty được thiết lập và tuân thủ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, nghị định 71/2017/NĐ-CP và các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan.

Bên cạnh việc thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về công bố thông tin trong lĩnh vực chứng khoán, hệ thống quản trị của Tổng công ty được kiểm soát chặt chẽ, các hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT, Ban Tổng giám đốc luôn minh bạch và được giám sát một cách cẩn trọng. Ngoài ra, với kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh điện năng, đội ngũ quản trị của Tổng công ty luôn nỗ lực hạn chế tối đa các rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 93 ■ Báo cáo của Ban tổng giám đốc
- 96 ■ Báo cáo kiểm toán độc lập
- 98 ■ Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 100 ■ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 101 ■ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 103 ■ Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 7 NĂM 2018 ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN
(THÀNH LẬP TẠI NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM)

Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính,
phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

HÀ NỘI, THÁNG 3 NĂM 2019

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 (ngày Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 đến ngày lập báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ÔNG HỒ CÔNG KỲ	Chủ tịch
ÔNG LÊ NHƯ LINH	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 01/12/2018)
ÔNG NGUYỄN XUÂN HÒA	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 01/12/2018)
ÔNG NGUYỄN HỮU QUÝ	Thành viên
ÔNG PHẠM XUÂN TRƯỜNG	Thành viên
ÔNG VŨ HUY AN	Thành viên (Nghỉ hưu từ ngày 01/02/2019)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ÔNG LÊ NHƯ LINH	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/12/2018)
ÔNG NGUYỄN XUÂN HÒA	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 03/07/2018) (Miễn nhiệm ngày 01/12/2018)
ÔNG HOÀNG VĂN NGHIỆP	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 03/07/2018)
BÀ NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 03/07/2018)
ÔNG NGUYỄN DUY GIANG	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 03/07/2018)
ÔNG NGUYỄN MẠNH TUỜNG	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 03/07/ 2018)
ÔNG PHAN ĐẠI THÀNH	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 03/07/2018)
ÔNG NGUYỄN MINH ĐẠO	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 03/07/2018)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



LÊ NHƯ LINH
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2019, từ trang 96 đến trang 148, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng

Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp

với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 (ngày Công ty mẹ - Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2018. Số liệu trình bày ở cột so sánh của báo cáo tài chính hợp nhất là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (đơn vị cổ phần hóa). Một số số liệu được điều chỉnh hồi tố như trình bày tại Thuyết minh số 39.

Như trình bày tại Thuyết minh số 02 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh (nếu có) liên quan đến việc quyết toán cổ phần hóa do Công ty mẹ - Tổng Công ty

chưa có biên bản phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày thực chuyển thành công ty cổ phần.

Như trình bày tại Thuyết minh số 10 và Thuyết minh số 17 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, số dư khoản mục hàng tồn kho và công nợ phải trả của Tổng Công ty bao gồm khoảng 2.481 tỷ VND (tại ngày 01 tháng 7 năm 2018: khoảng 2.481 tỷ VND) liên quan đến giá trị vật tư, thiết bị nhập khẩu và các chi phí khác từ các nhà thầu để phục vụ công tác bảo dưỡng Nhà máy Điện Cà Mau 1, Nhà máy Điện Cà Mau 2 và Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2. Theo xác định của Tổng Công ty, giá trị hàng tồn kho và công nợ phải trả nêu trên sẽ được quyết toán và điều chỉnh khi Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí (Công ty con của Tổng Công ty) hoàn thiện các thủ tục cần thiết với các bên liên quan về việc chuyển đổi chủ thể hợp đồng bảo dưỡng với nhà thầu và các nhà máy điện.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



KHÚC THỊ LAN ANH
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0036-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 20 tháng 3 năm 2019
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



ĐỖ TRUNG KIÊN
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1924-2018-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

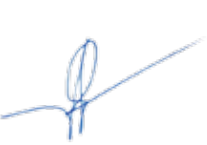
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/07/2018 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		15.251.081.151.956	19.565.210.250.858
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	3.185.329.931.901	5.781.844.937.864
Tiền	111		173.809.128.318	378.796.386.770
Các khoản tương đương tiền	112		3.011.520.803.583	5.403.048.551.094
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	176.038.035.938	159.025.245.522
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		176.038.035.938	159.025.245.522
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.530.962.791.986	9.732.881.206.832
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	7.320.055.298.911	9.510.190.471.103
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	115.357.557.465	126.272.004.861
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	343.075.281.114	330.823.676.262
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(247.525.345.504)	(234.404.945.394)
Hàng tồn kho	140	10	4.186.613.364.909	3.749.030.391.823
Hàng tồn kho	141		4.186.795.764.909	3.749.212.791.823
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(182.400.000)	(182.400.000)
Tài sản ngắn hạn khác	150		172.137.027.222	142.428.468.817
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	39.209.633.649	32.261.459.452
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		132.500.096.856	108.904.114.645
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	427.296.717	1.262.894.720
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		42.860.348.445.729	44.709.351.239.710
Các khoản phải thu dài hạn	210		41.591.339.201	40.146.195.841
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		1.268.440.794	739.635.016
Phải thu dài hạn khác	216	8	40.322.898.407	39.406.560.825
Tài sản cố định	220		40.177.239.576.482	41.955.536.795.692
Tài sản cố định hữu hình	221	12	40.113.277.709.063	41.890.909.331.196
- Nguyên giá	222		69.293.799.627.813	69.168.357.816.479
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.180.521.918.750)	(27.277.448.485.283)
Tài sản cố định vô hình	227	13	63.961.867.419	64.627.464.496
- Nguyên giá	228		98.742.512.044	96.644.741.901
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(34.780.644.625)	(32.017.277.405)
Bất động sản đầu tư	230	14	33.528.513	93.056.967
- Nguyên giá	231		17.545.622.940	17.545.622.940
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(17.512.094.427)	(17.452.565.973)
Tài sản dở dang dài hạn	240		377.538.888.628	373.391.066.778
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	377.538.888.628	373.391.066.778
Đầu tư tài chính dài hạn	250		936.917.037.288	926.513.502.784
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5	367.903.598.694	336.569.414.542
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5	604.520.976.073	604.520.976.073
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5	(35.507.537.479)	(14.576.887.831)
Tài sản dài hạn khác	260		1.327.028.075.617	1.413.670.621.648
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	671.717.153.227	725.304.361.157
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	250.816.922
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	16	639.372.102.109	668.708.213.585
Lợi thế thương mại	269		15.938.820.281	19.407.229.984
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		58.111.429.597.685	64.274.561.490.568

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/07/2018 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		31.296.044.641.920	37.991.812.174.424
Nợ ngắn hạn	310		17.570.678.653.190	21.628.066.661.893
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	5.900.467.676.009	6.708.411.072.902
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		16.462.104.003	7.272.414.513
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	298.541.103.387	274.633.295.396
Phải trả người lao động	314		139.706.914.562	106.916.205.411
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	2.018.072.932.291	1.992.870.595.289
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		617.551.080	629.344.331
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	2.403.293.790.705	2.785.811.223.378
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	6.554.398.505.035	9.062.568.725.977
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	22	143.181.837.310	557.288.489.041
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		95.936.238.808	131.665.295.655
Nợ dài hạn	330		13.725.365.988.730	16.363.745.512.531
Phải trả dài hạn khác	337	20	759.840.195	766.020.195
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	13.303.846.087.570	16.062.760.612.395
Dự phòng phải trả dài hạn	342	22	251.593.468.605	130.588.045.495
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	23	169.166.592.360	169.630.834.446
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		26.815.384.955.765	26.282.749.316.144
Vốn chủ sở hữu	410	24	26.815.384.955.765	26.282.749.316.144
Vốn góp của chủ sở hữu	411		23.418.716.000.000	23.418.716.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(311.254.328)	(311.254.328)
Vốn khác của chủ sở hữu	414		227.887.397.807	227.887.397.807
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(191.305.728.000)	(191.305.728.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	(85.859.153.505)
Quỹ đầu tư phát triển	418		192.215.107.853	100.859.785.533
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		859.274.196.129	542.515.585.296
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		542.515.585.296	1.226.129.949.212
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		316.758.610.833	(683.614.363.916)
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	24	2.308.909.236.304	2.270.246.683.341
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		58.111.429.597.685	64.274.561.490.568


QUÁCH THỊ HỒNG LIÊN
Người lập


HÀ THỊ MINH NGUYỆT
Kế toán trưởng


LÊ NHƯ LINH
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO KẾT QUẢ
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/07/2018 đến ngày 31/12/2018 VND	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 (trình bày lại) VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	14.835.199.327.861	17.826.989.285.545
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		14.835.199.327.861	17.826.989.285.545
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	27	13.075.124.797.360	15.110.534.255.166
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.760.074.530.501	2.716.455.030.379
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	243.410.811.255	272.096.451.715
Chi phí tài chính	22	30	1.031.822.777.468	747.307.264.629
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		661.190.866.665	645.970.976.077
Phần lãi trong công ty liên kết, liên doanh	24		40.604.496.676	8.935.448.221
Chi phí bán hàng	25	31	10.839.566.997	9.476.038.751
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	358.522.593.396	414.251.281.485
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		642.904.900.571	1.826.452.345.450
Thu nhập khác	31	32	17.739.038.522	15.231.369.046
Chi phí khác	32	33	5.537.884.662	4.987.397.808
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		12.201.153.860	10.243.971.238
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		655.106.054.431	1.836.696.316.688
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	34	79.660.985.050	131.149.980.130
Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		250.816.922	(6.101.557.714)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		575.194.252.459	1.711.647.894.272
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		431.441.727.122	1.489.891.609.117
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		143.752.525.337	221.756.285.155
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	35	184	(*)

(*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu không được tính cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018 do giai đoạn này Tổng Công ty là Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam, do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam là chủ sở hữu, nắm giữ 100% vốn điều lệ.



QUÁCH THỊ HỒNG LIÊN
Người lập



HÀ THỊ MINH NGUYỆT
Kế toán trưởng



LÊ NHƯ LINH
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Chi tiêu	Mã số	Từ ngày 01/07/2018 đến ngày 31/12/2018 VND	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 (trình bày lại) VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	655.106.054.431	1.836.696.316.688
Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	1.906.127.430.872	2.014.211.539.980
Các khoản dự phòng	03	(259.050.178.863)	190.484.121.744
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	122.697.627.971	143.868.421.549
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(133.047.575.498)	(223.656.772.320)
Chi phí lãi vay	06	661.190.866.665	645.970.976.077
Các khoản điều chỉnh khác	07	(35.729.056.847)	(466.632.414)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.917.295.168.731	4.607.107.971.304
Thay đổi các khoản phải thu	09	1.786.558.328.746	(2.987.956.205.115)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(408.246.861.610)	(215.449.459.061)
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.108.562.414.571)	1.750.835.806.960
Thay đổi chi phí trả trước	12	46.639.033.733	82.644.252.000
Tiền lãi vay đã trả	14	(684.950.702.336)	(633.537.152.454)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(56.060.259.658)	(39.843.385.382)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	15.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(25.116.323.272)	(35.322.724.119)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.467.555.969.763	2.528.494.104.133

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Chi tiêu	Mã số	Từ ngày 01/07/2018 đến ngày 31/12/2018 VND	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 (trình bày lại) VND
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(154.905.148.181)	(64.239.882.249)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	289.441.817
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(173.334.184.152)	(120.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	124.987.209.584	1.059.423.123.654
Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	-	124.327.590.987
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	531.339.078.058	227.274.206.499
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	328.086.955.309	1.227.074.480.708

III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	3.856.450.702.934	3.246.640.763.934
Tiền trả nợ gốc vay	34	(9.248.603.856.655)	(3.138.243.861.063)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(348.815.229.654)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(5.392.153.153.721)	(240.418.326.783)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(2.596.510.228.649)	3.515.150.258.058
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.781.844.937.864	2.266.238.960.414
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(4.777.314)	455.719.392
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	3.185.329.931.901	5.781.844.937.864


QUÁCH THỊ HỒNG LIÊN
Người lập


HÀ THỊ MINH NGUYỆT
Kế toán trưởng


LÊ NHƯ LINH
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Tổng Công ty Điện lực Dầu khíViệt Nam – Công ty Cổ phần (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH MTV – Tổng Công ty Điện lực Dầu khíViệt Nam theo Quyết định số 1795/QĐ-DKVN ngày 28 tháng 7 năm 2015 của Hội đồngThành viênTập đoàn Dầu khíViệt Nam (Công ty mẹ củaTổng Công ty). Công tyTNHH MTV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khíViệt Nam được thành lập theo Quyết định số 1468/QĐ-DKVN ngày 17 tháng 5 năm 2007 của Hội đồngThành viênTập đoàn Dầu khíViệt Nam và Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV số 0102276173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 5 năm 2007.

Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 với vốn điều lệ là 23.418.716.000.000 VND theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 ngày 01 tháng 7 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Tổng Công ty có Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất (thay đổi lần thứ 14) ngày 06 tháng 12 năm 2018.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoánThành phố Hồ Chí Minh vào ngày 17 tháng 12 năm 2018 và chính thức giao dịch từ ngày 14 tháng 01 năm 2019 với mã chứng khoán là POW.

Công ty mẹ củaTổng Công ty làTập đoàn Dầu khíViệt Nam.

Tổng số nhân viên củaTổng Công ty và các công ty con tại ngày 31/12/2018 là 2.376 (tại ngày 01/07/2018 là 2.367).

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty là:

Sản xuất điện năng; Kinh doanh, bán điện công nghiệp, tiêu dùng; Quản lý, vận hành các nhà máy điện; Dịch vụ đào tạo các khóa học ngắn hạn, chuyên đề về một số lĩnh vực trong công nghiệp; Dịch vụ cung cấp lao động có tay nghề trong vận hành, bảo dưỡng các nhà máy điện, các cơ sở công nghiệp; Lắp đặt hệ thống điện tại các công trình xây dựng; Cung cấp dịch vụ quản lý cho các dự án điện, dịch vụ tư vấn cho các công trình điện; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Xây dựng các nhà máy điện, các công trình trong ngành điện; Xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng điện năng, lưới điện trung thế, hạ thế; Đầu tư xây dựng các dự án điện độc lập; Xây dựng, phát triển, quản lý thực hiện các dự án CDM điện năng sạch; Dịch vụ mua sắm các hệ thống điện tại các công trình xây dựng; Buôn bán thiết bị vật tư, phụ tùng cho sản xuất, kinh doanh điện; Cung cấp các dịch vụ công nghệ thông tin; Cung cấp giải pháp giám phát khí nhà kính được chứng nhận (CERs) của các dự án điện năng; Nghiên cứu, áp dụng các tiến bộ công nghệ mới vào việc đầu

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

tư phát triển các dự án điện, sử dụng năng lượng như: Điện sức gió, điện mặt trời, điện nguyên tử; Cung cấp các dịch vụ kỹ thuật, vận hành, đào tạo nguồn nhân lực quản lý vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng phục vụ sản xuất kinh doanh điện; Cho thuê phương tiện vận tải, cầu, kéo; Kinh doanh các sản phẩm tro, xỉ, phế liệu; Xuất nhập khẩu năng lượng, nguyên vật liệu, thiết bị, vật tư, phụ tùng cho sản xuất, kinh doanh điện; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Tổng Công ty kinh doanh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty có các dự án đầu tư nhà máy điện đã phát điện thương mại là Nhà máy Nhiệt điện Cà Mau 1 và Cà Mau 2 tỉnh Cà Mau, Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch 1 và Nhơn Trạch 2 tỉnh Đồng Nai, Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 tỉnh Hà Tĩnh, Nhà máy Thủy điện Nậm Cắt tỉnh Bắc Kạn, Nhà máy Thủy điện Hòa Na tỉnh Nghệ An và Nhà máy Thủy điện Đakdrinh tỉnh Quảng Ngãi.

CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng

Thông tin chi tiết về các công ty con và công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2018 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty con				
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	Nghệ An	84,14%	84,14%	Sản xuất điện
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	Đồng Nai	59,37%	59,37%	Sản xuất điện
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh	Quảng Ngãi	94,83%	94,83%	Sản xuất điện
Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí	Hà Nội	51,58%	51,58%	Thương mại
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Bắc Kạn	Bắc Kạn	94,23%	94,23%	Sản xuất điện
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hà Nội	51,00%	51,00%	Dịch vụ
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	Sơn La	30,72%	30,72%	Sản xuất điện
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Hồng	Yên Bái	44,07%	44,07%	Sản xuất điện
Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam	Hà Nội	34,58%	34,58%	Thương mại

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, các đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty bao gồm:

- Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau
- Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch
- Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh
- Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Nhập khẩu và Phân phối than Điện lực Dầu khí
- Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Ban chuẩn bị đầu tư các dự án điện khí

THUYẾT MINH VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 (ngày Công ty mẹ - Tổng Công ty chính

thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2018. Do vậy, số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (đơn vị cổ phần hóa). Một số số liệu được điều chỉnh hồi tố như trình bày tại Thuyết minh số 39.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 (ngày Công ty mẹ - Tổng Công ty chính thức chuyển từ doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 trên cơ sở báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty mẹ - Tổng Công ty và các công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình

lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

QUYẾT TOÁN CỔ PHẦN HÓA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 chưa bao gồm các điều chỉnh (nếu có) liên quan đến việc quyết toán cổ phần hóa do Công ty mẹ - Tổng Công ty chưa có biên bản phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

CƠ SỞ HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 (ngày Công ty mẹ - Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2018. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau ngoại

trừ các nghiệp vụ xử lý tài chính và quyết toán cổ phần hóa tại ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần theo Nghị định số 126/2017/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2017 áp dụng cho báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Tổng Công ty với các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

HỢP NHẤT KINH DOANH

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên

kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính tối đa không quá 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG CỤ VỐN
CỦA ĐƠN VỊ KHÁC

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

NỢ PHẢI THU

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ KHẤU HAO

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải	5 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 7
Tài sản cố định khác	3 - 5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ KHẤU HAO

Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất, quyền sử dụng đất lâu dài không phải trích khấu hao. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất, nhà cửa và vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng hữu ích ước tính như sau:

	Số năm
Quyền sử dụng đất	4
Nhà cửa, vật kiến trúc	4 - 25

CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị và các chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

CÁC KHOẢN TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước chủ yếu bao gồm các khoản phí bảo hiểm cho khoản vay dài hạn từ nước ngoài, chi phí bảo trì bảo dưỡng theo hợp đồng bảo trì bảo dưỡng máy móc thiết bị nhà máy điện, trả trước tiền thuê văn phòng, tiền thuê đất, chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí tài sản lưu động khác phục vụ các nhà máy điện và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản phí bảo hiểm, chi phí bảo trì, bảo dưỡng được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian của hợp đồng vay và hợp đồng bảo trì dài hạn đã ký kết.

Khoản trả trước tiền thuê văn phòng được phân bổ vào chi phí tương ứng với thời hạn thuê trả trước.

Các khoản chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả bao gồm các khoản chi phí lãi vay phải trả và một số chi phí trích trước khác chưa chi nhưng được ước tính và ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Chi phí lãi vay được ghi nhận trên cơ sở gốc vay và lãi suất vay.

Các khoản khác là các chi phí khác đã phát sinh trong kỳ nhưng chưa nhận được hóa đơn từ nhà cung cấp.

CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tổng Công ty. Quỹ được hình thành trên cơ sở trích lập tối đa 10% thu nhập tính thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu được ghi nhận khi có biên bản xác nhận lượng điện phát lên lưới điện Quốc gia.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản

đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Đối với Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch 1, theo Giấy Chứng nhận đầu tư số 47121000093 ngày 28 tháng 12 năm 2007, Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch 1 (thuộc Công ty TNHH MTV Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch) được hưởng ưu đãi thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 20% lợi nhuận thu được trong thời hạn 10 năm kể từ khi dự án bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh và bằng 22% trong những năm tiếp theo (thuế suất thuế thu nhập hiện hành năm 2018 là 20%). Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch 1 được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ ngày có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 03 năm tiếp theo. Từ ngày 01 tháng 8 năm 2008, Công ty TNHH MTV Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch được sáp nhập vào Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam và chuyển thành đơn vị hạch toán phụ thuộc.

Năm 2014 là năm cuối cùng Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho dự án Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch 1.

Đối với dự án Nhà máy Điện Cà Mau 1 và Nhà máy Điện Cà Mau 2, theo Giấy Chứng nhận đầu tư số 61101000098 ngày 31 tháng 3 năm 2010 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau cấp, thuế thu nhập doanh nghiệp của dự án này được miễn trong thời gian 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo. Năm 2018 là năm thứ sáu Tổng Công ty áp dụng giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho dự án Nhà máy Điện Cà Mau 1 và Nhà máy Điện Cà Mau 2.

Đối với dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1, theo Giấy Chứng nhận ưu đãi đầu tư số 01/KKT ngày 12 tháng 02 năm 2008 (ban hành cùng Giấy Chứng nhận đầu tư số 28221000009 ngày 12 tháng 02 năm 2008) do Ban Quản lý Khu kinh tế Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh cấp, thuế thu nhập doanh nghiệp của dự án này được hưởng mức 10% áp dụng trong 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh, được miễn trong thời gian 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo. Khi dự án hoàn thành đầu tư đi vào hoạt động sẽ trình Thủ tướng Chính phủ cho hưởng mức thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong suốt thời gian thực hiện dự án. Năm 2018 là năm thứ tư Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1.

Đối với Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch 2, Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2 – Công ty con

của Tổng Công ty) có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% tính trên thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất và kinh doanh điện năng trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu và thuế suất hiện hành cho những năm tiếp theo. NT2 được miễn thuế 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo. Năm 2018 là năm thứ tư NT2 áp dụng giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho dự án Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch 2.

Dự án đầu tư Nhà máy thủy điện Hòa Na là dự án đầu tư mới tại huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 và Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ. Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008 của Quốc hội, được sửa đổi bổ sung bởi Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013, Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na (HHC - Công ty con của Tổng Công ty) được hưởng ưu đãi thuế suất 10% trong 15 năm đầu hoạt động, được miễn thuế 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên HHC có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế.

Đối với Nhà máy Thủy điện Đakdrinh, theo Giấy chứng nhận đầu tư số 34121000029 ngày 25 tháng 6 năm 2008, Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh (Công ty con của Tổng Công ty) được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh

nghiệp theo quy định tại Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp (nay được thay thế bởi Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013).

Đối với Nhà máy Thủy điện Nậm Cắt, theo Giấy chứng nhận đầu tư số 13101000007 ngày 08 tháng 8 năm 2007 và các giấy chứng nhận đầu tư thay đổi, Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Kạn (Công ty con của Tổng Công ty, tiền thân là Công ty Cổ phần Năng lượng Nậm Cắt) được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp (nay được thay thế bởi Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013).

Các công ty con khác nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế

trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018 VND	01/07/2018 VND
Tiền mặt	3.967.380.235	5.314.886.715
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	169.841.748.083	373.352.301.623
Tiền đang chuyển	-	129.198.432
Các khoản tương đương tiền (*)	3.011.520.803.583	5.403.048.551.094
	3.185.329.931.901	5.781.844.937.864

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn của Tổng Công ty và các công ty con bao gồm 31.025.410.732 VND (ngày 01 tháng 7 năm 2018: 30.620.275.478 VND) là tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương đang tạm dừng giao dịch. Ban Tổng Giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi có những quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	31/12/2018		01/07/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (*)	176.038.035.938	176.038.035.938	159.025.245.522	159.025.245.522
	176.038.035.938	176.038.035.938	159.025.245.522	159.025.245.522

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, số dư đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn từ 3 tháng đến 12 tháng, lãi suất từ 5,1%/năm đến 7%/năm.

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	Sơn La	30,72%	30,72%	Sản xuất điện
Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng	Yên Bái	44,07%	44,07%	Sản xuất điện
Công ty Cổ phần Máy-Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam	Hà Nội	34,58%	34,58%	Thương mại

Giá trị đầu tư vào công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu như sau:

	31/12/2018 VND	01/07/2018 VND
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	329.446.627.579	299.252.846.406
Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng	38.011.459.896	36.742.036.101
Công ty Cổ phần Máy-Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam	445.511.219	574.532.035
	367.903.598.694	336.569.414.542

Chi tiết điều chỉnh khoản đầu tư vào công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2018:

Tên công ty	Giá gốc VND	Điều chỉnh theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	302.295.301.000	27.151.326.579	329.446.627.579
Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng	32.887.500.000	5.123.959.896	38.011.459.896
Công ty Cổ phần Máy-Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam	952.434.683	(506.923.464)	445.511.219
	336.135.235.683	31.768.363.011	367.903.598.694

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	31/12/2018		01/07/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào (*)	320.049.656.500	-	320.049.656.500	-
Đầu tư vào Dự án HH3 Nam An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội	81.741.478.800	-	81.741.478.800	-
Công ty TNHH FCC Việt Nam	49.495.000.000	-	49.495.000.000	-
Công ty TNHH Phụ tùng Xe máy Ô tô Showa Việt Nam	36.673.137.983	-	36.673.137.983	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Tranh 3 (*)	29.341.800.000	144.719.609	29.341.800.000	-
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (*)	28.800.000.000	-	28.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (*)	18.202.000.000	18.202.000.000	18.202.000.000	-
Công ty TNHH Vietnam Nippon Seiki	11.781.000.000	-	11.781.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao	11.140.000.000	11.140.000.000	11.140.000.000	11.140.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	5.040.000.000	-	5.040.000.000	-
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch	3.621.000.000	1.281.663.209	3.621.000.000	740.303.232
Công ty Cổ phần Xây lắp điện Dầu khí Việt Nam	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An	2.016.000.000	2.016.000.000	2.016.000.000	2.016.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Sơn Trà Sông Đà (*)	1.228.800.000	1.228.800.000	1.228.800.000	-
Công ty Cổ phần Cơ điện Dầu khí (*)	1.000.000.000	263.770.062	1.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Nam	841.102.790	680.584.599	841.102.790	680.584.599
Công ty Cổ phần Năng lượng Châu Á Thái Bình Dương (*)	550.000.000	550.000.000	550.000.000	-
	604.520.976.073	35.507.537.479	604.520.976.073	14.576.887.831

(*) Dự phòng các khoản đầu tư tài chính của Công ty mẹ - Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (ngày cuối cùng Công ty mẹ - Tổng Công ty hoạt động dưới hình thức công ty TNHH một thành viên) đã được hoàn nhập vào kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp cổ phần hóa theo hướng dẫn tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ. Do đó, không có số liệu mang sang đầu kỳ tại ngày 01 tháng 7 năm 2018 đối với khoản mục “Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn” đối với các khoản đầu tư tài chính của Công ty mẹ - Tổng Công ty.

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc kỳ hoạt động do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2018 VND	01/07/2018 VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.277.119.504.327	9.450.212.931.408
Công ty Mua bán điện (*)	6.911.361.745.537	9.072.357.264.200
Các khách hàng khác	365.757.758.790	377.855.667.208
b. Phải thu khách hàng các bên liên quan	42.935.794.584	59.977.539.695
(Chi tiết tại Thuyết minh số 36)	42.935.794.584	59.977.539.695
	7.320.055.298.911	9.510.190.471.103

(*) Theo đề nghị của Ngân hàng Nhà nước tại Công văn số 961/NHNN-QLNH ngày 09 tháng 02 năm 2018 liên quan đến việc điều chỉnh giá bán điện của Nhà máy Điện Cà Mau 1 và Nhà máy Điện Cà Mau 2 để đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật về quản lý ngoại hối, Công ty Mua bán Điện đã gửi Công văn số 2057/EPTC-KDMD ngày 11 tháng 6 năm 2018 cho Tổng Công ty về việc đàm phán giá điện Hợp đồng mua bán điện Nhà máy điện Cà Mau 1 và Nhà máy Điện Cà Mau 2 và đề nghị tạm thanh toán cho giá bán điện hàng tháng trên cơ sở tỷ giá là 15.894VND/USD (tỷ giá theo tổng dự toán dự án Nhà máy điện Cà Mau 1 và Nhà máy điện Cà Mau 2), bắt đầu từ tháng 02 năm 2018.Tuy nhiên,Tổng Công ty không đồng ý với đề nghị của Công ty Mua bán Điện và vẫn đang áp dụng tỷ giá trung tâm tại ngày xuất hóa đơn cho giá bán điện hàng tháng (theo quy định tại hợp đồng mua bán điện – PPA hiện hành).Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, số dư tiền điện Công ty Mua bán Điện chưa thanh toán cho Tổng Công ty phát sinh từ việc chưa thống nhất về tỷ giá áp dụng cho giá bán điện hàng tháng là khoảng 628 tỷ VND.Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này,Tổng Công ty và Công ty Mua bán Điện vẫn đang tiếp tục làm việc về tỷ giá áp dụng cho giá bán điện hàng tháng. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng sẽ thu hồi được số tiền nêu trên trong tương lai nên quyết định không trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản công nợ này.

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018 VND	01/07/2018 VND
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	111.018.809.230	121.636.908.546
Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng	9.546.256.592	10.796.359.015
Công ty TNHH Đại Hiệp	5.068.743.968	-
Công ty Cổ phần Đại Tam Sơn	-	16.701.212.880
Các đối tượng khác	96.403.808.670	94.139.336.651
b. Trả trước cho các bên liên quan	4.338.748.235	4.635.096.315
- (Chi tiết tại Thuyết minh số 36)	4.338.748.235	4.635.096.315
	115.357.557.465	126.272.004.861

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2018 VND	01/07/2018 VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu Tập đoàn Dầu khíViệt Nam (i)	218.489.976.676	219.500.281.300
Phải thu Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch (ii)	44.717.292.306	44.717.292.306
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	11.880.626.311	18.289.183.087
Phải thu ngắn hạn khác	67.987.385.821	48.316.919.569
	343.075.281.114	330.823.676.262
Trong đó:		
Phải thu khác ngắn hạn là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 36)	264.052.370.087	265.062.674.711
b. Dài hạn		
Tiền đền bù giải phóng mặt bằng	38.569.044.582	37.652.707.000
Ký cược, ký quỹ dài hạn	1.753.853.825	1.753.853.825
	40.322.898.407	39.406.560.825

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, số dư phải thu Tập đoàn Dầu khíViệt Nam phản ánh khoản phải thu phần giá trị Sản phẩm phân phối 500 kV phân bổ cho Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và phí bảo hiểm tài sản của Sản phẩm phân phối 500 kV đã bàn giao về Tập đoàn theo Nghị quyết số 8642/NQ-DKVN ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tập đoàn Dầu khíViệt Nam về việc chấp thuận nhận lại giá trị tài sản Sản phẩm phân phối 500kV Trung tâm Điện lực Vũng Áng đã chuyển giao cho Công ty TNHH MTV – Tổng Công ty Điện lực Dầu khíViệt Nam tại Nghị quyết số 753/NQ-DKVN ngày 05 tháng 02 năm 2016 của Hội đồngThành viên Tập đoàn Dầu khíViệt Nam.

(ii) Phải thu Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khíVũng Áng - Quảng Trạch phản ánh khoản phải thu chi phí hoạt động của Ban Chuẩn bị Sản xuấtVũng Áng 1, chi phí đào tạo học viên Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng.

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

9. NỢ XẤU

	31/12/2018		01/07/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi được VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi được VND
Giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tân Hồng (*)	96.856.865.496	-	96.856.865.496	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Vina Megastar (*)	33.627.654.160	-	33.627.654.160	-
Công ty TNHH Thành Đức	20.394.119.114	-	20.394.119.114	-
Công ty Cổ phần Thương mại - Xuất nhập khẩu D&T	15.485.149.669	2.200.000.000	15.485.149.669	700.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí IMICO	15.381.516.087	-	15.381.516.087	-
Công ty Mua bán điện (EPTC/EVN)	10.615.012.421	5.307.506.210	-	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Dự án Điện lực Dầu khí	8.179.082.781	312.655.746	-	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	7.045.317.471	399.291.000	7.045.317.471	399.291.000
Các đối tượng khác	48.178.581.261	18.500.000	107.741.900.962	61.028.286.565
	255.763.298.460	8.237.952.956	296.532.522.959	62.127.577.565

Chuẩn mực Kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu.Theo đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá thận trọng và xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu dựa trên giá trị sổ sách trừ giá trị dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập.

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018		01/07/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đi đường	-	-	2.855.428.625	-
Nguyên liệu, vật liệu (i)	2.072.523.380.756	-	1.627.127.132.906	-
Công cụ, dụng cụ	5.958.008.929	-	2.323.536.758	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (ii)	2.049.453.132.965	-	2.086.415.611.902	-
Hàng hóa	58.861.242.259	(182.400.000)	30.491.081.632	(182.400.000)
	4.186.795.764.909	(182.400.000)	3.749.212.791.823	(182.400.000)

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, số dư nguyên liệu, vật liệu bao gồm giá trị vật tư, thiết bị dự phòng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPS - Công ty con của Tổng Công ty) nhập khẩu phục vụ việc sửa chữa, đại tu các tổ hợp tuabin khí tại Nhà máy điện Cà Mau 1, Nhà máy điện Cà Mau 2 và Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 theo hợp đồng bảo trì dài hạn với số tiền khoảng 465 tỷ VND (ngày 01 tháng 7 năm 2018: 465 tỷ VND).

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, số dư chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang bao gồm các chi phí dịch vụ kỹ thuật của PVPS liên quan đến mua vật tư, thiết bị nhập khẩu và các chi phí phát sinh khác phục vụ việc bảo dưỡng Nhà máy điện Cà Mau 1, Nhà máy điện Cà Mau 2 và Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 theo Hợp đồng giữa PVPS với nhà thầu Siemens (Siemens Aktiengesellschaft và Công ty TNHH Siemen Việt Nam) với số tiền khoảng 2.016 tỷ VND (ngày 01 tháng 7 năm 2018: 2.016 tỷ VND).

Đối với số dư các hàng tồn kho này, PVPS là trung gian ghi nhận giữa các nhà thầu thực hiện dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng các nhà máy điện với các nhà máy điện. Số dư các khoản mục hàng tồn kho và công nợ phải trả tương ứng sẽ được quyết toán và điều chỉnh khi PVPS hoàn tất các thủ tục với bên liên quan về việc chuyển đổi chủ thể hợp đồng bảo dưỡng với nhà thầu và các nhà máy điện.

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2018 VND	01/07/2018 VND
Ngắn hạn		
Bảo hiểm tài sản và vận hành Nhà máy Điện Vũng Áng	32.059.011.649	16.130.758.769
Bảo hiểm vận hành các nhà máy điện Cà Mau 1 và 2	1.836.722.986	3.892.815.077
Bảo hiểm vận hành các nhà máy điện Nhơn Trạch 1 và 2	1.281.480.001	2.311.257.455
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	4.032.419.013	9.926.628.151
	39.209.633.649	32.261.459.452
Dài hạn		
Phí bảo hiểm khoản vay tín dụng (i)	155.588.455.977	188.046.818.675
Phí huy động, phí biến đổi và phí cố định hợp đồng bảo trì thiết bị (ii)	144.651.073.201	165.027.170.476
Chi phí đại tu Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2 chờ phân bổ	87.396.512.987	111.124.856.476
Chi phí sửa chữa bảo dưỡng hợp đồng O&M (iii)	65.866.424.988	92.212.995.000
Tiền thuê đất	49.538.176.473	44.712.496.309
Chi phí thuê văn phòng	30.731.117.208	30.861.769.080
Lợi thế kinh doanh	28.542.933.921	28.542.933.921
Phí bảo hiểm nhân thọ	-	2.516.666.667
Chi phí trả trước dài hạn khác	109.402.458.472	62.258.654.553
	671.717.153.227	725.304.361.157

(i) Phí bảo hiểm khoản vay tín dụng: theo hợp đồng vay tín dụng xuất khẩu giữa Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2 - Công ty con của Tổng Công ty) và các ngân hàng tài trợ do Ngân hàng Citibank làm đại lý, phí bảo hiểm khoản vay được phát hành bởi HERMES và NEXI bảo hiểm cho các bên cho vay trong toàn bộ thời hạn vay theo hợp đồng là 2,5 năm ân hạn và 9,5 năm trả nợ. Phí bảo hiểm của các khoản vay này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời hạn vay của các khoản vay dài hạn.

(ii) Phí huy động, phí biến đổi và phí cố định hợp đồng bảo trì thiết bị: theo hợp đồng bảo trì thiết bị dài hạn giữa NT2 và các nhà thầu cho công tác bảo trì máy móc, thiết bị chính cho Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 trong thời hạn 11,7 năm hoặc 200.000 giờ EOH. Phí huy động, phí biến đổi và phí cố định được thanh toán trước khi Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 vận hành thương mại và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ theo số giờ EOH thực tế phát sinh.

(iii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, chi phí sửa chữa bảo dưỡng Hợp đồng O&M phản ánh số tiền thanh toán phí huy động cho nhà thầu nước ngoài và giá trị còn lại của Hợp đồng “Tiểu tu năm 2008” chưa phân bổ vào chi phí sửa chữa bảo dưỡng Hợp đồng O&M Nhà máy Điện Cà Mau 1 và Nhà máy Điện Cà Mau 2 với số tiền lần lượt là 59.410.841.131 VND và 6.455.583.857 VND. Phí huy động và Hợp đồng “Tiểu tu năm 2008” này được phân bổ vào chi phí theo giá trị hợp đồng tương ứng với thời gian quy đổi 100.000 EOH.

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/7/2018	17.890.170.472.520	48.707.670.006.761	316.648.644.750	128.602.337.009	2.125.266.355.439	69.168.357.816.479
Tăng trong kỳ	1.474.417.288	2.958.327.335	5.659.426.906	10.504.438.814	-	20.596.610.343
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	104.428.411.391	-	-	685.000.000	-	105.113.411.391
Thanh lý, nhượng bán	-	(268.210.400)	-	-	-	(268.210.400)
Phân loại lại	(2.155.120.000)	-	-	2.246.750.000	(91.630.000)	-
Tại ngày 31/12/2018	17.993.918.181.199	48.710.360.123.696	322.308.071.656	142.038.525.823	2.125.174.725.439	69.293.799.627.813
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/7/2018	4.237.557.158.852	22.478.355.728.743	244.142.008.774	96.176.610.229	221.216.978.685	27.277.448.485.283
Khấu hao trong kỳ	391.212.253.239	1.452.015.182.445	7.859.492.780	7.407.979.544	44.697.653.572	1.903.192.561.580
Thanh lý, nhượng bán	-	(119.128.113)	-	-	-	(119.128.113)
Phân loại lại	-	(306.750.658)	-	398.380.658	(91.630.000)	-
Tại ngày 31/12/2018	4.628.769.412.091	23.929.945.032.417	252.001.501.554	103.982.970.431	265.823.002.257	29.180.521.918.750
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/7/2018	13.652.613.313.668	26.229.314.278.018	72.506.635.976	32.425.726.780	1.904.049.376.754	41.890.909.331.196
Tại ngày 31/12/2018	13.365.148.769.108	24.780.415.091.279	70.306.570.102	38.055.555.392	1.859.351.723.182	40.113.277.709.063

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 10.598.650.237.064VND (tại ngày 01 tháng 7 năm 2018: 5.542.604.576.691 VND).

Tổng Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị tài sản hình thành từ các dự án xây dựng Nhà máy Thủy điện Hòa Na, Nhà máy Thủy điện Bắc Kạn và một số tài sản cố định hữu hình tại Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí (Công ty con của Tổng Công ty) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/7/2018	55.819.637.569	40.825.104.332	96.644.741.901
Tăng trong kỳ	-	3.654.058.353	3.654.058.353
Thanh lý, nhượng bán	(1.556.288.210)	-	(1.556.288.210)
Tại ngày 31/12/2018	54.263.349.359	44.479.162.685	98.742.512.044
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/7/2018	799.510.014	31.217.767.391	32.017.277.405
Khấu hao trong kỳ	71.147.750	2.692.219.470	2.763.367.220
Tại ngày 31/12/2018	870.657.764	33.909.986.861	34.780.644.625
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/7/2018	55.020.127.555	9.607.336.941	64.627.464.496
Tại ngày 31/12/2018	53.392.691.595	10.569.175.824	63.961.867.419

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, nguyên giá các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 13.862.654.587 VND (tại ngày 01 tháng 7 năm 2018: 13.862.654.587 VND).

14. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/07/2018	7.779.542.940	9.766.080.000	17.545.622.940
Tại ngày 31/12/2018	7.779.542.940	9.766.080.000	17.545.622.940
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/7/2018	7.779.542.940	9.673.023.033	17.452.565.973
Trích khấu hao trong kỳ	-	59.528.454	59.528.454
Tại ngày 31/12/2018	7.779.542.940	9.732.551.487	17.512.094.427
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/07/2018	-	93.056.967	93.056.967
Tại ngày 31/12/2018	-	33.528.513	33.528.513

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Từ ngày 01/07/2018 đến ngày 31/12/2018 VND	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 (trình bày lại) VND
Số đầu kỳ	373.391.066.778	290.490.453.714
Phát sinh trong kỳ	299.635.481.103	148.641.698.898
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(105.113.411.391)	(48.938.689.183)
Ghi nhận vào chi phí	(190.374.247.862)	(16.325.462.666)
Giảm khác	-	(476.933.985)
Số cuối kỳ	377.538.888.628	373.391.066.778

Chi tiết các công trình xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

	31/12/2018 VND	01/07/2018 VND
Dự án Thủy điện Luang Prabang (i)	131.564.171.361	130.844.764.417
Nhà máy Thủy điện Hủa Na	188.986.007.554	185.988.117.585
Dự án Tiểu khu 2	25.609.491.717	25.609.491.717
Các dự án khác	31.379.217.996	30.948.693.059
	377.538.888.628	373.391.066.778

(i) Theo Thông báo số 1484/KHĐT4 ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, Dự án Nhà máy Thủy điện Luang Prabang được gia hạn Biên bản ghi nhớ (MOU) lần 4 với thời gian gia hạn tiếp theo đến tháng 9 năm 2019. Tổng Công ty đang thực hiện các thủ tục cần thiết để cùng đối tác Lào thành lập liên doanh để tiếp tục thực hiện các công việc trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án, hoàn thành báo cáo nghiên cứu khả thi và các báo cáo đánh giá tác động môi trường và báo cáo đánh giá tác động xã hội.

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

16. THIẾT BỊ, VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ DÀI HẠN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, số dư thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn phản ánh giá trị vật tư dự phòng sửa chữa theo yêu cầu kỹ thuật tại Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 1, Nhà máy Điện Cà Mau 1, Nhà máy Điện Cà Mau 2, Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và Nhà máy Thủy điện Hòa Na.

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/07/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	3.894.482.328.747	3.894.482.328.747	4.324.286.942.142	4.324.286.942.142
Siemens Aktiengesellschaft (i)	2.483.148.580.687	2.483.148.580.687	2.483.170.388.781	2.483.170.388.781
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	322.515.111.660	322.515.111.660	723.645.473.734	723.645.473.734
Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng	105.028.573.670	105.028.573.670	92.484.472.987	92.484.472.987
Tổng Công ty Sông Đà	46.480.885.494	46.480.885.494	72.705.222.023	72.705.222.023
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	20.226.382.739	20.226.382.739	32.300.822.607	32.300.822.607
Các nhà cung cấp khác	917.082.794.497	917.082.794.497	919.980.562.010	919.980.562.010
b. Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 36)	2.005.985.347.262	2.005.985.347.262	2.384.124.130.760	2.384.124.130.760
	5.900.467.676.009	5.900.467.676.009	6.708.411.072.902	6.708.411.072.902

(i) Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPS - Công ty con của Tổng Công ty) ghi nhận công nợ phải trả với Siemens Aktiengesellschaft trên cơ sở các tờ khai hải quan nhập vật tư thiết bị phục vụ cho việc duy tu, bảo dưỡng Nhà máy Điện Cà Mau 1, Nhà máy Điện Cà Mau 2 và Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2.

Số dư công nợ phải trả và khoản mục hàng tồn kho tương ứng sẽ được điều chỉnh khi PVPS hoàn tất các thủ tục với các bên liên quan (như trình bày tại Thuyết minh số 10).

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/07/2018 VND	Số phải nộp/ bù trừ trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	31/12/2018 VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	865.272.122	574.399.621	-	290.872.501
Thuế thu nhập cá nhân	181.622.598	181.198.382	-	424.216
Các loại thuế khác	216.000.000	80.000.000	-	136.000.000
	1.262.894.720	835.598.003	-	427.296.717
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	168.491.007.633	419.066.824.920	427.871.520.892	159.686.311.661
Thuế xuất nhập khẩu	-	13.509.331.247	13.509.331.247	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	64.065.651.095	79.086.585.429	56.060.259.658	87.091.976.866
Thuế tài nguyên	13.160.061.050	87.890.145.885	94.730.280.814	6.319.926.121
Thuế thu nhập cá nhân	7.581.307.623	22.943.413.042	20.759.296.943	9.765.423.722
Các khoản phải nộp khác	21.335.267.995	61.565.050.805	47.222.853.783	35.677.465.017
	274.633.295.396	684.061.351.328	660.153.543.337	298.541.103.387

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2018 VND	01/07/2018 VND
Chi phí tiền khí (i)	1.625.768.336.249	1.591.400.952.924
Chi phí lãi vay (ii)	229.489.453.552	253.324.980.144
Chi phí bảo trì, sửa chữa (iii)	98.206.209.042	82.253.929.545
Thuế, phí cho các khoản vay	14.084.234.622	12.911.575.631
Tiền điện, nước vận hành nhà máy	18.758.882.173	-
Chi phí phải trả khác	31.765.816.653	52.979.157.045
	2.018.072.932.291	1.992.870.595.289

(i) Chi phí tiền khí được Tổng Công ty trích trước theo các hợp đồng mua khí cho Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 1 và Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 nhưng chưa nhận được hóa đơn.

(ii) Chi phí lãi vay phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 phản ánh lãi của các hợp đồng tín dụng tài trợ cho các dự án nhà máy điện của Tổng Công ty.

(iii) Chi phí bảo trì, sửa chữa được Tổng Công ty trích trước theo các hợp đồng bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy điện cho Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2 và Nhà máy Thủy điện Đăckdrinh.

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2018 VND	01/07/2018 VND
a. Ngắn hạn		
Tập đoàn Dầu khíViệt Nam (i)	2.130.275.290.623	2.124.360.291.974
Ban Quản lý dự án Điện lực Dầu khíVùng Áng - Quảng Trạch	22.798.636.733	24.344.842.478
Phải trả cổ tức cho cổ đông	123.131.263.143	541.107.243.608
Phải trả về cổ phần hóa	17.001.027.885	17.001.027.885
Thuế tài nguyên, thuế giá trị gia tăng, thuế và lệ phí bảo vệ môi trường rừng	12.014.567.300	15.067.475.462
Phải trả ngắn hạn khác	98.073.005.021	63.930.341.971
	2.403.293.790.705	2.785.811.223.378
Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan (trình bày tại Thuyết minh số 36)	2.153.073.927.356	2.154.620.133.101
b. Dài hạn		
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	759.840.195	766.020.195
	759.840.195	766.020.195

(i) Chủ yếu phản ánh lợi nhuận các kỳ còn phải trả Tập đoàn Dầu khíViệt Nam.

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

A. NGẮN HẠN

	01/07/2018		Trong kỳ		31/12/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	3.173.326.847.283	3.173.326.847.283	3.737.154.048.541	6.204.499.379.924	705.981.515.900	705.981.515.900
Vay dài hạn đến hạn trả	5.889.241.878.694	5.889.241.878.694	3.003.279.587.172	3.044.104.476.731	5.848.416.989.135	5.848.416.989.135
	9.062.568.725.977	9.062.568.725.977	6.740.433.635.713	9.248.603.856.655	6.554.398.505.035	6.554.398.505.035

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn theo ngân hàng như sau:

	31/12/2018 VND	01/07/2018 VND
a. Vay ngắn hạn		
Ngân hàng TMCP Quân đội	330.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	219.318.357.500	707.770.417.529
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	93.875.860.339	61.886.978.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	56.363.900.000	16.105.260.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	6.423.398.061	-
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	-	1.900.315.229.036
Ngân hàng Citibank	-	487.148.962.718
Vay cá nhân	-	100.000.000
	705.981.515.900	3.173.326.847.283
b. Vay dài hạn đến hạn trả	5.848.416.989.135	5.889.241.878.694
	6.554.398.505.035	9.062.568.725.977

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty có các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại để bổ sung vốn lưu động và bảo lãnh thanh toán. Lãi suất cho vay được thỏa thuận theo từng lần giải ngân.

B. DÀI HẠN

	01/07/2018		Trong kỳ		31/12/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn	21.952.002.491.089	21.952.002.491.089	119.296.654.393	2.919.036.068.777	19.152.263.076.705	19.152.263.076.705
	21.952.002.491.089	21.952.002.491.089	119.296.654.393	2.919.036.068.777	19.152.263.076.705	19.152.263.076.705
Trong đó:						
Vay dài hạn đến hạn trả	5.889.241.878.694	5.889.241.878.694			5.848.416.989.135	5.848.416.989.135
Vay dài hạn	16.062.760.612.395	16.062.760.612.395			13.303.846.087.570	13.303.846.087.570

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Chi tiết các khoản vay dài hạn theo ngân hàng như sau:

	31/12/2018 VND	01/07/2018 VND
Ngân hàng HSBC	7.888.706.006.285	9.198.170.823.937
Ngân hàng Citibank	2.618.851.377.270	3.153.659.245.121
Ngân hàng Credit Agricole Corporate and Investment	2.518.749.434.076	2.719.839.992.284
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	1.698.582.026.085	1.783.511.126.086
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	1.164.259.742.579	1.362.339.106.579
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	819.413.134.238	901.218.812.100
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	764.148.432.999	803.639.036.483
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	642.467.635.828	945.620.924.472
Ngân hàng TMCP An Bình	533.166.402.522	419.984.560.000
Ngân hàng TMCP Quân đội	293.852.929.176	300.291.440.980
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	197.751.118.976	215.727.118.976
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	12.314.836.671	14.777.804.071
Ngân hàng Credit Agricole CIB	-	133.222.500.000
	19.152.263.076.705	21.952.002.491.089
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ ngắn hạn)	5.848.416.989.135	5.889.241.878.694
Số phải trả sau 12 tháng	13.303.846.087.570	16.062.760.612.395

Các khoản vay dài hạn của Tổng Công ty được giải ngân bằng Đô la Mỹ và Đồng Việt Nam chủ yếu để phục vụ đầu tư các dự án xây dựng và nâng cấp các nhà máy điện của Tổng Công ty.

Các khoản vay được phân loại theo đồng tiền giải ngân như sau:

	31/12/2018 VND	01/07/2018 VND
Vay bằng Đô la Mỹ	13.153.605.544.517	15.429.826.851.100
Vay bằng Euro	1.323.741.346.009	1.614.109.361.514
Vay bằng Việt Nam Đồng	4.674.916.186.179	4.908.066.278.475
	19.152.263.076.705	21.952.002.491.089

Các khoản vay dài hạn được phân loại theo loại hình đảm bảo như sau:

	31/12/2018 VND	01/07/2018 VND
Tín chấp	2.589.252.998.778	2.587.150.162.569
Bảo lãnh của bên thứ ba	14.477.346.890.526	17.043.936.212.614
Bảo đảm bằng tài sản	2.085.663.187.402	2.320.916.115.906
	19.152.263.076.706	21.952.002.491.089

Các khoản vay của Tổng Công ty được ký hợp đồng theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Các khoản vay được phân loại theo lãi suất vay như sau:

	31/12/2018 VND	01/07/2018 VND
Vay theo lãi suất thả nổi	3.138.350.161.421	3.111.990.997.808
Vay theo lãi suất cố định	16.013.912.915.285	18.840.011.493.281
	19.152.263.076.706	21.952.002.491.089

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2018 VND	01/07/2018 VND
Trong vòng một năm	5.848.416.989.135	5.889.241.878.694
Trong năm thứ hai	5.328.055.720.904	5.408.211.085.036
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	6.098.021.300.554	8.349.432.220.707
Sau năm năm	1.877.769.066.111	2.305.117.306.652
	19.152.263.076.705	21.952.002.491.089
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn)	5.848.416.989.135	5.889.241.878.694
Số phải trả sau 12 tháng	13.303.846.087.570	16.062.760.612.395

22. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	Từ ngày 01/07/2018 đến ngày 31/12/2018 VND	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 (trình bày lại) VND
Số đầu kỳ	687,876,534,536	516,700,389,523
Trích lập dự phòng bổ sung trong kỳ	440,537,753,260	598,244,899,131
(Hoàn nhập) dự phòng	(25,953,157,856)	(63,060,762,045)
Các khoản dự phòng đã sử dụng	(707,685,824,025)	(364,007,992,073)
Số cuối kỳ	394,775,305,915	687,876,534,536

	31/12/2018 VND	01/07/2018 VND
Dự phòng phải trả ngắn hạn	143.181.837.310	557.288.489.041
Dự phòng phải trả dài hạn	251.593.468.605	130.588.045.495
	394.775.305.915	687.876.534.536

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, dự phòng phải trả phản ánh chi phí bảo trì, sửa chữa được Tổng Công ty trích trước cho Nhà máy Điện Cà Mau 1, Nhà máy Điện Cà Mau 2, Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch 1.

- Chi phí bảo trì, sửa chữa của Nhà máy Điện Cà Mau 1 và Nhà máy Điện Cà Mau 2 được xác định theo Hợp đồng về “Công tác bảo trì, sửa chữa Nhà máy Điện Cà Mau 1 và Nhà máy Điện Cà Mau 2 trong giai đoạn 100.000 giờ hoạt động quy đổi (EOH) đầu tiên” giữa Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam. Mức phí bảo trì và sửa chữa quy định trong Hợp đồng sửa đổi số 4 là tổng của 1.288.839,16 EUR và 493.626.306.629 VND (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng), được Tổng Công ty trích trước theo định kỳ.
- Chi phí bảo trì, sửa chữa trích trước của Nhà máy Điện Nhơn Trạch 1 được xác định là chi phí kỳ thanh tra C của Hợp đồng số 38/PVP-PVPS/2010/LTMA-NT1 tháng 8 năm 2010 về bảo trì, sửa chữa Nhà máy Điện Nhơn Trạch 1 trong giai đoạn 108.000 giờ hoạt động quy đổi (EOH) đầu tiên giữa Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam. Mức phí bảo trì và sửa chữa quy định trong Hợp đồng là tổng của 115.104.610,6 EUR và 508.067.920.553 VND (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng), được Tổng Công ty trích trước theo định kỳ.

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

23. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, số dư quỹ phát triển khoa học và công nghệ của các công ty trong Tổng Công ty như sau:

	31/12/2018 VND	01/07/2018 VND
Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	128.733.156.808	128.733.156.808
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	38.440.765.897	38.532.394.904
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	1.992.669.655	2.365.282.734
	169.166.592.360	169.630.834.446

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

THAY ĐỔI TRONG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2018	21.774.301.577.676	(311.254.328)	-	227.887.397.807	-	1.618.253.058.939	1.301.734.133.681	2.833.082.846.631	27.754.947.760.406
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	1.489.891.609.117	221.756.285.155	1.711.647.894.272
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	(201.828.416.325)	(2.067.375.593.801)	-	(2.269.204.010.125)
Kết chuyển phải trả cổ phần hóa	-	-	-	-	-	(6.923.066.631)	-	-	(6.923.066.631)
Kết chuyển tăng vốn điều lệ	1.644.414.422.324	-	-	-	(191.305.728.000)	(1.308.646.206.414)	(144.462.487.910)	-	-
Chênh lệch tỷ giá do xử lý tài chính (i)	-	-	(124.277.669.208)	-	-	-	-	-	(124.277.669.208)
Bù trừ chênh lệch tỷ giá do xử lý tài chính (i)	-	-	38.418.515.703	-	-	-	(38.418.515.703)	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(784.322.367.961)	(784.322.367.961)
Tặng/(Giảm) khác	-	-	-	-	-	4.415.964	1.146.439.912	(270.080.484)	880.775.392
Tại ngày 01 tháng 7 năm 2018	23.418.716.000.000	(311.254.328)	(85.859.153.505)	227.887.397.807	(191.305.728.000)	100.859.785.533	542.515.585.296	2.270.246.683.341	26.282.749.316.144
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	431.441.727.122	143.752.525.337	575.194.252.459
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	91.353.654.181	(105.195.662.665)	-	(13.842.008.484)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(105.254.954.100)	(105.254.954.100)
Kết chuyển chênh lệch tỷ giá vào kết quả kinh doanh	-	-	85.859.153.505	-	-	-	-	-	85.859.153.505
Tặng/(Giảm) khác	-	-	-	-	-	1.668.139	(9.487.453.624)	164.981.726	(9.320.803.759)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	23.418.716.000.000	(311.254.328)	-	227.887.397.807	(191.305.728.000)	192.215.107.853	859.274.196.129	2.308.909.236.304	26.815.384.955.765

(i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam thực hiện đánh giá lại chênh lệch tỷ giá các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo quy định và thực hiện chuyển giao cho công ty cổ phần (sau chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước) theo dõi và xử lý theo quy định.

VỐN ĐIỀU LỆ

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 14 ngày 6 tháng 12 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 23.418.716.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn đã góp tại ngày 31/12/2018 VND
	VND	%	
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	18.721.414.770.000	79.94%	18.721.414.770.000
Các cổ đông khác	4.697.301.230.000	20.06%	4.697.301.230.000
	23.418.716.000.000	100%	23.418.716.000.000

CỔ PHIẾU

	31/12/2018 VND	01/07/2018 VND
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng +) Cổ phiếu phổ thông	2.341.871.600	2.341.871.600
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành +) Cổ phiếu phổ thông	2.341.871.600	2.341.871.600
Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.		

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2018 VND	01/07/2018 VND
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	9.942,80	10.081,44
Đồng Euro (EUR)	1.886,15	1.905,54

26. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 01/7/2018 đến ngày 31/12/2018 VND	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018 (Trình bày lại) VND
Doanh thu bán điện	14.224.788.659.732	17.286.859.201.739
Doanh thu bán hàng hóa	586.839.527.118	519.291.941.806
Doanh thu cung cấp dịch vụ	22.697.635.866	2.242.587.680
Doanh thu hợp đồng xây lắp	873.505.145	2.442.755.933
Doanh thu bán bất động sản	-	16.152.798.387
	14.835.199.327.861	17.826.989.285.545
Doanh thu với bên liên quan (trình bày ở Thuyết minh số 36)	107.977.891.469	121.306.578.536

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ ngày 01/07/2018 đến ngày 31/12/2018 VND	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 (trình bày lại) VND
Giá vốn bán điện	12.472.746.055.465	14.578.290.338.703
Giá vốn bán hàng hóa	581.632.267.666	518.480.973.454
Giá vốn dịch vụ	19.808.885.872	959.510.962
Giá vốn của hợp đồng xây lắp	937.588.357	2.085.514.102
Giá vốn bán bất động sản	-	10.717.917.945
	13.075.124.797.360	15.110.534.255.166

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/07/2018 đến ngày 31/12/2018 VND	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 (trình bày lại) VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.353.786.552.172	11.189.838.531.094
Chi phí nhân công	320.417.378.795	463.094.067.496
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.906.127.430.872	2.014.211.539.980
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.051.392.818.696	1.209.646.212.298
Chi phí khác bằng tiền	197.678.240.270	174.669.783.579
	12.829.402.420.805	15.051.460.134.447

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/07/2018 đến ngày 31/12/2018 VND	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 (trình bày lại) VND
Lãi tiền gửi	126.057.575.498	101.143.924.403
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	93.825.118.244	46.806.582.290
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ	16.538.117.513	11.054.083.746
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.990.000.000	73.516.679.230
Lãi hoạt động chuyển nhượng vốn	-	39.575.182.046
	243.410.811.255	272.096.451.715

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/07/2018 đến ngày 31/12/2018 VND	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 (trình bày lại) VND
Chi phí lãi vay	661.190.866.665	645.970.976.077
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ	139.235.745.484	31.100.555.479
Chênh lệch tỷ giá chuyển sang công ty cổ phần	85.859.153.505	-
Phí bảo lãnh khoản vay	26.902.292.501	33.002.352.115
Phí bảo hiểm khoản vay	44.143.260.446	31.929.150.264
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	46.990.293.706	16.879.145.480
Dự phòng/(hoàn nhập) giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	21.024.399.291	(20.294.824.800)
Chi phí hoạt động tài chính khác	6.476.765.870	8.719.910.014
	1.031.822.777.468	747.307.264.629

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/07/2018 đến ngày 31/12/2018 VND	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 (trình bày lại) VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		
phát sinh trong kỳ	134.996.138.191	203.561.691.812
Chi phí nhân công	17.113.279.829	16.257.410.438
Chi phí khấu hao	14.190.068.603	16.211.775.044
Chi phí vật liệu quản lý	87.291.948.453	53.785.570.659
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.120.400.110	25.227.363.684
Các khoản dự phòng	91.810.758.210	99.207.469.848
Chi phí quản lý khác		
	358.522.593.396	414.251.281.485
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân công	3.736.967.927	4.621.217.360
Chi phí khấu hao	132.938.274	133.338.298
Chi phí vật liệu bán hàng	24.214.702	33.740.003
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.945.446.094	4.687.743.090
	10.839.566.997	9.476.038.751

32. THU NHẬP KHÁC

	Từ ngày 01/07/2018 đến ngày 31/12/2018 VND	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 (trình bày lại) VND
Thu phạt vi phạm hợp đồng	1.718.068.517	3.039.900.838
Thu nhập khác	16.020.970.005	12.191.468.208
	17.739.038.522	15.231.369.046

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

33. CHI PHÍ KHÁC

	Từ ngày 01/07/2018 đến ngày 31/12/2018 VND	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 (trình bày lại) VND
Thanh lý tài sản cố định	18.488.000	1.209.000.000
Chi phí khác	5.519.396.662	3.778.397.808
	5.537.884.662	4.987.397.808

34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ ngày 01/07/2018 đến ngày 31/12/2018 VND	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp từ kinh doanh điện	75.127.780.886	126.892.062.270
Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động khác	4.533.204.164	4.257.917.860
	79.660.985.050	131.149.980.130

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 được dựa trên lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 2.341.871.600 cổ phiếu, chi tiết như sau:

	Từ ngày 01/07/2018 đến ngày 31/12/2018 VND
Lợi nhuận trong kỳ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	431.441.727.122
Trừ: Số tiền trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	431.441.727.122
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	2.341.871.600
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	184

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số tiền quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018. Nếu Tổng Công ty trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi tương ứng.

36. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ
Các đơn vị trong Tập đoàn dầu khí Việt Nam	Cùng chủ sở hữu

Trong kỳ, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ ngày 01/07/2018 đến ngày 31/12/2018 VND	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 (trình bày lại) VND
Bán hàng	107.977.891.469	121.306.578.536
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	107.580.232.718	120.983.942.172
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	328.522.389	322.636.364
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	69.136.362	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	8.223.368.196.607	8.032.002.601.349
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	4.690.411.088.690	4.488.624.289.080
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	3.487.510.646.634	3.473.215.987.555
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	23.349.417.626	45.968.212.603
Viện Dầu khí Việt Nam	10.481.560.451	7.212.385.940
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	4.923.552.211	6.565.770.726
Tổng Công ty Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí	4.181.541.350	8.657.419.140
Ban Quản lý dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trach	1.546.205.745	-
Tổng Công ty Bảo dưỡng – Sửa chữa Công trình Dầu khí	964.183.900	1.605.511.173
Công ty TNHH MTV Kiểm định Kỹ thuật An toàn Dầu Khí Việt Nam	-	153.025.132
Chi phí lãi vay	83.021.642.146	83.434.349.048
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	83.021.642.146	83.434.349.048
Lãi tiền gửi	2.008.428.771	5.645.218.929
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	2.008.428.771	5.645.218.929

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	31/12/2018 VND	01/7/2018 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.962.167.458	511.648.764.669
Ngân hàngThương mại Cổ phần Đại chúngViệt Nam	9.962.167.458	511.648.764.669
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	42.935.794.584	59.977.539.695
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	41.414.975.677	45.583.823.258
Tập đoàn Dầu khíViệt Nam	1.111.335.085	-
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khíViệt Nam	332.592.435	14.325.533.583
Tổng Công ty KhíViệt Nam - Công ty Cổ phần	64.216.387	68.182.854
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khíViệt Nam	12.675.000	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	4.338.748.235	4.635.096.315
Tổng Công ty Bảo dưỡng - Sửa chữa Công trình Dầu khí	2.686.937.637	667.318.740
Tổng Công ty Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí	1.621.810.598	3.674.777.575
Viện Dầu khíViệt Nam	-	263.000.000
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần	30.000.000	30.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	264.052.370.087	265.062.674.711
Tập đoàn Dầu khíViệt Nam	218.489.976.676	219.500.281.300
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khíVũng Áng - QuảngTrạch	44.717.292.306	44.717.292.306
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	845.101.105	845.101.105
Phải trả người bán ngắn hạn	2.005.985.347.262	2.384.124.130.760
Tập đoàn Dầu khíViệt Nam	1.356.822.881.228	1.430.470.932.431
Tổng Công ty KhíViệt Nam - Công ty Cổ phần	639.274.563.146	899.604.633.053
Tổng Công ty Bảo dưỡng – Sửa chữa Công trình Dầu khí	2.147.881.922	1.169.136.393
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khíVũng Áng	2.063.035.350	37.801.072.390
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khíViệt Nam	2.055.281.134	1.438.423.343
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khíVũng Áng - QuảngTrạch	1.700.826.320	-
Tổng Công ty Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí	1.074.684.798	6.405.450.716
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khíViệt Nam	454.403.426	454.403.426
Viện Dầu khíViệt Nam	391.789.938	6.780.079.008
Người mua trả tiền trước	1.709.635.299	1.709.615.000
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	1.709.635.299	1.709.615.000
Chi phí phải trả	1.625.768.336.249	1.595.668.147.256
Tổng Công ty KhíViệt Nam - Công ty Cổ phần	1.625.768.336.249	1.591.400.952.924
Tập đoàn Dầu khíViệt Nam	-	4.267.194.332
Phải trả khác	2.153.073.927.356	2.154.620.133.101
Tập đoàn Dầu khíViệt Nam	2.130.275.290.623	2.130.275.290.623
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khíVũng Áng - QuảngTrạch	22.798.636.733	24.344.842.478
Vay	1.792.457.886.425	1.845.398.104.086
Ngân hàngThương mại Cổ phần Đại chúngViệt Nam	1.792.457.886.425	1.845.398.104.086

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

37. CÁC KHOẢN BẢO LÃNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty có bảo lãnh cho một số khoản vay dài hạn của các đơn vị thành viên với giá trị còn phải bảo lãnh như sau:

	31/12/2018 VND	01/07/2018 VND
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	561.211.898.193	599.603.796.158
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Bắc Kạn	11.604.270.662	14.777.804.118
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh	109.689.523.079	-
	682.505.691.934	614.381.600.276

38. BÁO CÁO BỘ PHẬN

BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất kinh doanh điện năng, sửa chữa, bảo dưỡng các nhà máy điện và đầu tư xây dựng các dự án điện độc lập.Thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là liên quan đến hoạt động sản xuất và kinh doanh nói trên.Theo đó, Tổng Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh. Doanh thu, giá vốn theo từng hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 26 và số 27.

BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Các nhà máy sản xuất điện và các khách hàng mua điện của Tổng Công ty đều hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam.Theo đó, Tổng Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

39. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ

Một số số liệu so sánh đã được điều chỉnh trên cơ sở số liệu của kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Công ty mẹ và các Công ty con đã được điều chỉnh hồi tố theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước tại Thông báo kết quả kiểm toán số 02/TB-KTNN ngày 03 tháng 01 năm 2019 về báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 của Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam. Ảnh hưởng của các điều chỉnh, cụ thể như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Chi tiêu	Mã số	30/06/2018 (trước điều chỉnh)	Điều chỉnh hồi tố	30/06/2018 (sau điều chỉnh)
TÀI SẢN				
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9.502.784.880.366	7.405.590.737	9.510.190.471.103
Phải thu ngắn hạn khác	136	321.320.766.551	9.502.909.711	330.823.676.262
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(251.439.951.008)	17.035.005.614	(234.404.945.394)
Hàng tồn kho	141	3.748.714.302.767	498.489.056	3.749.212.791.823
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	32.303.835.617	(42.376.165)	32.261.459.452
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	109.164.213.683	(260.099.038)	108.904.114.645
Tài sản cố định hữu hình	221	41.963.928.913.954	(73.019.582.758)	41.890.909.331.196
- Nguyên giá	222	69.247.969.570.739	(79.611.754.260)	69.168.357.816.479
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(27.284.040.656.785)	6.592.171.502	(27.277.448.485.283)
Tài sản cố định vô hình	227	64.278.025.807	349.438.689	64.627.464.496
- Nguyên giá	228	96.154.741.901	490.000.000	96.644.741.901
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(31.876.716.094)	(140.561.311)	(32.017.277.405)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	302.604.702.299	70.786.364.479	373.391.066.778
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	(34.966.177.502)	20.389.289.671	(14.576.887.831)
Chi phí trả trước dài hạn	261	722.819.542.097	2.484.819.060	725.304.361.157
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	1.414.869.026	(1.164.052.104)	250.816.922
NỢ PHẢI TRẢ VÀ NGUỒN VỐN				
Phải trả người bán ngắn hạn	311	6.736.088.772.877	(27.677.699.975)	6.708.411.072.902
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	267.032.286.338	7.601.009.058	274.633.295.396
Phải trả người lao động	314	74.293.837.845	32.622.367.566	106.916.205.411
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	1.985.987.736.725	6.882.858.564	1.992.870.595.289
Phải trả ngắn hạn khác	319	1.526.703.608.099	1.259.107.615.279	2.785.811.223.378
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	824.232.374.285	(266.943.885.244)	557.288.489.041
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	123.607.926.685	8.057.368.970	131.665.295.655
Dự phòng phải trả dài hạn	342	153.869.087.564	(23.281.042.069)	130.588.045.495
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	170.731.936.753	(1.101.102.307)	169.630.834.446
Vốn góp của chủ sở hữu	411	21.774.301.577.676	1.644.414.422.324	23.418.716.000.000
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	-	(191.305.728.000)	(191.305.728.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	-	(85.859.153.505)	(85.859.153.505)
Quỹ đầu tư phát triển	418	1.659.875.709.098	(1.559.015.923.565)	100.859.785.533
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	1.293.053.584.792	(750.537.999.496)	542.515.585.296
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	2.269.243.993.989	1.002.689.352	2.270.246.683.341

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Chi tiêu	Mã số	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 (trước điều chỉnh)	Điều chỉnh hồi tố	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 (sau điều chỉnh)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17.822.402.571.558	4.586.713.987	17.826.989.285.545
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	15.348.553.581.395	(238.019.326.229)	15.110.534.255.166
Doanh thu hoạt động tài chính	21	272.583.416.472	(486.964.757)	272.096.451.715
Chi phí tài chính	22	893.018.203.936	(145.710.939.307)	747.307.264.629
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	412.648.586.490	1.602.694.995	414.251.281.485
Thu nhập khác	31	11.490.154.414	3.741.214.632	15.231.369.046
Chi phí khác	32	4.928.560.655	58.837.153	4.987.397.808
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	129.467.307.313	1.682.672.817	131.149.980.130
Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	(7.183.901.370)	1.082.343.656	(6.101.557.714)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Chi tiêu	Mã số	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 (trước điều chỉnh)	Điều chỉnh hồi tố	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 (sau điều chỉnh)
Lợi nhuận trước thuế	01	1.446.786.619.438	389.909.697.250	1.836.696.316.688
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	2.010.926.198.063	3.285.341.917	2.014.211.539.980
Các khoản dự phòng	03	492.132.207.273	(301.648.085.529)	190.484.121.744
Thay đổi các khoản phải thu	09	(3.037.538.910.204)	49.582.705.089	(2.987.956.205.115)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(215.732.678.879)	283.219.818	(215.449.459.061)
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	1.882.894.289.518	(132.058.482.558)	1.750.835.806.960
Thay đổi chi phí trả trước	12	82.301.364.010	342.887.990	82.644.252.000
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	15.000.000	15.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(26.652.994.233)	(8.669.729.886)	(35.322.724.119)

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

40. SỰ KIẾN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo Quyết định số 234/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 với Tổng Công ty là chủ đầu tư. Công suất dự kiến của mỗi nhà máy là khoảng từ 650 đến 880 MW với công nghệ là tuabin khí chu trình hỗn hợp, cấu hình đa trục hoặc đơn trục. Tổng mức đầu tư sơ bộ của Dự án nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 lần lượt là 16.228.051.302.185 VND và 16.265.671.490.967 VND, nguồn vốn dự kiến là 30% vốn chủ sở hữu và 70% vốn vay. Thời gian vận hành dự kiến của nhà máy điện Nhơn Trạch 3 là năm 2022 và nhà máy điện Nhơn Trạch 4 là năm 2023. Giá bán điện được xây dựng trên nguyên tắc chuyển ngang chi phí nhiên liệu khí từ Hợp đồng mua bán khí sang Hợp đồng mua bán điện tại Văn bản số 03/TB-VPCP ngày 04 tháng 01 năm 2019 của Văn phòng Chính phủ.

QUÁCH THỊ HỒNG LIÊN
Người lập

HÀ THỊ MINH NGUYỆT
Kế toán trưởng

LÊ NHƯ LINH
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

